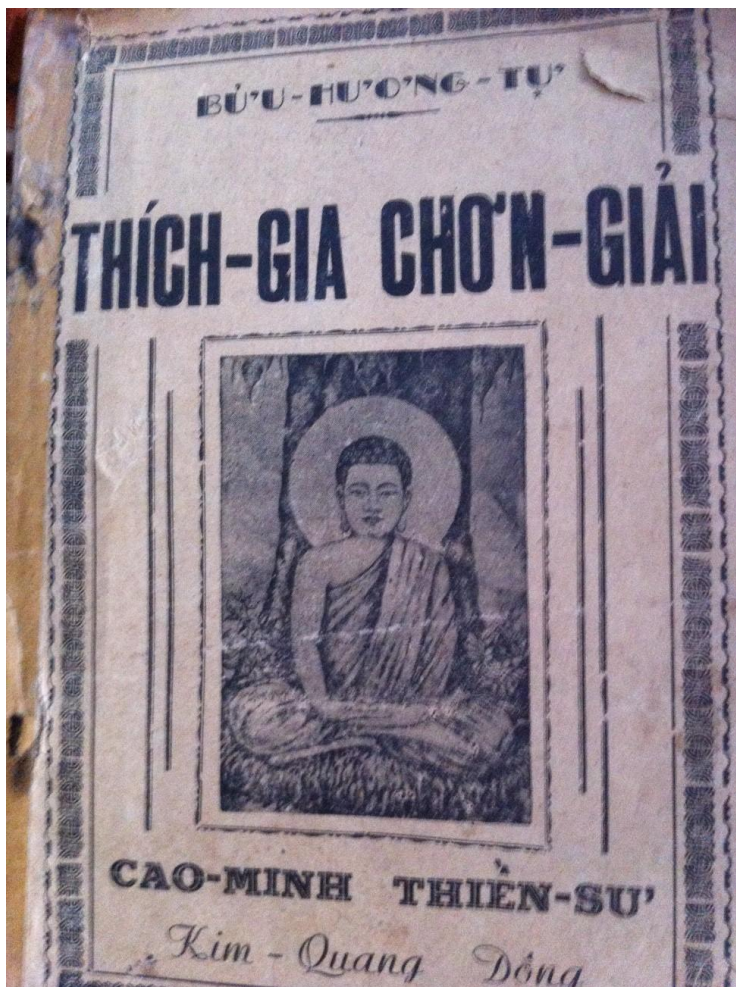


THÍCH GIA CHƠN GIẢI

Cao Minh Thiên Sư



---oOo---

Đây nói về nhà Đường-võ-Đức, năm thứ ba tháng chín, có nhà họ Lư làm chức Tả-Quân, xin từ chức về quê; vua liền cho, vợ chồng mừng rỡ cùng nhau trở lại quê xưa. Ông bà là người nhơn đức, không con kế hậu, ngày ngày cầu khẩn ăn chay.

Đêm nọ bà Lý-Thị nằm chiêm bao thấy trước sân sen trắng trở bông, bạch hạc đua bay. Bà giật mình thức dậy mới biết mình đã thọ thai. Vợ chồng vui mừng chẳng xiết. Bà thọ thai đến sáu năm; đêm nọ bà đương than thờ một mình, xảy thấy hào quang trên không bay xuống sáng trời mùi hương thơm phức. Lúc ấy bà lâm bồn, nhằm đời Đường-Trinh-Quán, năm thứ mười hai; ngày mùng tám giờ tỵ.

Sáng ngày có hai ông thầy sai đến viếng và nói rằng: “Tôi mừng cho ông bà sanh đặng quý tử, không biết đã đặt tên hay chưa?”

Lư-Thị nghe hỏi vào bỗng đưa nhỏ ra ngoài hai ông sai xin đặt tên như vậy:

Thượng-Huệ Hạ-Năng

Họ Lư lại hỏi: Thượng-Huệ Hạ-Năng nghĩa là gì?

Ông sai liền trả lời: “**Huệ giả: vĩ pháp huệ nhi tế chúng sanh: năng giả: năng tác Phật sự**” Nói rồi hai ông tàng hình đi mất.

Đây nhắc lại khi mới sanh Huệ-Năng thì khác hơn con người phàm tục. Lúc sanh ra thì ngài không khóc, không bú, khi mới nên ba tuổi thì cha đã ly trần, chỉ còn mẹ. Đến lớn lên hằng ngày hái củi đổi gạo nuôi mẹ. Huệ-Năng là con rất chí hiếu ở vậy nuôi mẹ đặng hai mươi bốn tuổi. Ngày kia vào rừng hái củi, gánh trở về dọc đàng có người khách đón mua, biểu Huệ-Năng gánh ngay đến nhà. Huệ-Năng cũng y lời gánh củi theo người khách; đến nhà người liền trả tiền. Huệ-Năng trở về dọc đàng lại nghe có người tụng kinh Kim Cang nhằm lúc Đức Thế-Tôn thuyết pháp. Huệ-Năng nghe rồi liền tỉnh ngộ mới than rằng: “Ồi!! Cái kiếp phù sanh ta đây không khác chi là ‘**Tam du mộ ảnh**’ buộc phải ở mà chen lẫn, làm cho có tiền đặng nuôi cái thân tứ đại này; nếu xét kỹ thì cái thân tứ-đại này nó là giả, không bền chắc, không phải đồ thiệt. Vậy thời công danh phú quý trước mắt ta đây cũng không thể nào chắc đặng; xét như vậy, dầu ta làm cho có tiền muôn đi nữa, chẳng phải ta hưởng đặng đời đời; coi giang-san còn phải dời, biển dâu còn phải biến, cuộc trăm năm như giấc chiêm bao, chi bằng tu hành lánh tục thì hơn”.

Nói như vậy, rồi lại tưởng rằng: “Mình đây muốn đi tu, mà phải tu cách nào? Hễ tu thì phải tâm sự học đạo, chừng học đạo rồi, phải ẩn nơi non cao núi thẳm lo tu hành thì biết có đặng thành Phật hay không? Còn bôn phận mình đây, việc thế sự chưa rảnh, vì còn mẫu thân ta không ai nuôi dưỡng, đi tu làm sao đặng! Sách có câu: **“Hiếu tâm tức Phật tâm; hiếu hạnh tức Phật”** Chỗ đó là Phật, chẳng phải đi tu đó là thành Phật đâu”. Huệ-Năng nghe lời Phật nói trong kinh một mình suy nghĩ như vậy, rồi trở vào rừng đốn củi và ngâm bài kệ như vậy:

**Xách búa đến rừng xanh
Đẹp lần chữ lợi danh
Lo tròn câu hiếu đạo
Bồi đáp nghĩa thâm xanh
Há tham bề phú quới
Chen lẫn với đua tranh
Thảnh thơi nương bóng mát
Kết bạn với chim anh**

Huệ-Năng kệ rồi xách búa đốn củi.

Đây nói về Nhị-Tổ là Huệ-Khả đương ở trên mây thấy Huệ-Năng than thở, liền bay xuống trước mặt ngâm bài kệ như vậy:

**Nước trí non nhơn rất phỉ mà
Huỳnh-Đình thường tụng lại ngâm nga
Bốn biển năm hồ đi một khắc
Ba ngàn thế giới dải chơn qua.**

Ngài kệ rồi xâm xâm đi tới. Huệ-Năng quì xuống lạy và hỏi: “Chẳng biết ngài ở đâu đến đây mà kệ như vậy?”

Nhị-Tổ nói: “Ta là tiều phu ở núi này, nghe nhà người than thở đến đây giúp cho người mười quan tiền đem về nuôi mẹ. Như người muốn tu, phải qua quận Huỳnh-Mai, chùa Đông-Thiên-Tự có một vị đại Thiên-Sư là Hoảng-Nhẫn người đương dạy đạo người qua đó mà học”.

Nói rồi liền ngâm bài kệ như vậy:

**Chỉ nẻo cho người khéo lạc đường
Hỏi đầu đặng thấy chốn quê hương
Biển thẳm minh mông xa vợi vợi
Lên thuyền sẽ đến cảnh Tây-Phương**

Ngài kệ rồi cỡi mây bay mất. Huệ-Năng thấy vậy lạy mà khen rằng: “Thiệt hay quá, như vậy mới là thần tiên, quý báu biết chừng nào!”.

Nói rồi gánh củi trở về nhà vào thưa mẹ cho hay và nhắc việc gặp ông tiều cho tiền và biểu con đi tu.

Bà Lý-thị vui lòng. Huệ-Năng cũng mừng rỡ, lạy mẹ và sửa soạn đồ hành lý lên đường.

Đi không bao lâu đến chùa Đông-Thiên-Tự, vào ra mắt Ngũ-Tổ nhằm lúc ngài đương thuyết pháp. Khi ngài thấy Huệ-Năng hình dung khác tục, cốt-cách hiền-lương, tai lớn, mũi cao, trán tròn. (Ấy là Phật giáng sanh).

Ngũ-Tổ liền bảo Huệ-Năng ra nhà sau nghỉ. Rồi ngài bái tứ chúng lui về. Qua đến canh ba, Ngũ-Tổ đòi Huệ-Năng đến mà dạy đạo và truyền Y-Bát lại dặn rằng: “Người phải đi không đặng ở chùa này, nếu Thần-Tú hay đặng ta đã truyền pháp bửu cho nhà người, thì người phải bị hại”.

Huệ-Năng nghe Ngũ-Tổ nói lạy và thưa rằng: “Bây giờ con chẳng biết đi đâu, xin Tôn-Sư dạy bảo”.

Ngũ-Tổ nói: “Con cứ việc đi qua phía Nam chừng nào gặp Ấp-Hoài thì ở. Gặp Ấp-Hội thì khá lánh thân, không hề chi phòng sợ”.

Nói rồi Ngũ-Tổ đưa Huệ-Năng đến mé sông Cửu-Giang Huệ-Năng xuống thuyền chèo đi.

Đi đặng ít ngày thì Thần-Tú hay việc Ngũ-Tổ truyền Y-bát cho Huệ-Năng. Lúc ấy Huệ-Năng đi đã đặng mấy ngày rồi. Thần-Tú cả giận hỏi có ai dám theo bắt Huệ-Năng không? Nói chưa dứt lời, có tên Trần-huệ-Minh và bốn trăm tăng nhơn xin lãnh mạng theo bắt. Bốn trăm tăng nhơn theo gặp Huệ-Năng đã bốn phen mà không làm chi đặng.

Bây giờ Huệ-Năng đi đến Tào-Khê, gặp một đám ác tăng đón bắt đặng giết. Lúc đương nguy cấp, Huệ-Năng vừa chạy vừa than, may gặp bọn thợ săn, Huệ-Năng bèn ẩn vào ở chung với bọn đó thì ngài được yên tâm không còn lo ngại nữa. Chỉ ngày ngày ở đó tu hành.

Huệ-Năng tuy ở với người hung dữ như vậy mà gìn lòng không nhiễm, hằng ngày bọn thợ săn bắt được cầm thú đem về con nào chết thì thôi, còn con nào sống Huệ-Năng lên thả.

Từ ngày Huệ-Năng đặng pháp bửu thầy truyền rồi, lánh mặt giả thầy đi tu đã mười-lăm năm, nay đạo được thành nên nhơn dịp mà thuyết pháp cho bọn thợ săn nghe. Bọn thợ săn hỏi: “Vì có nào người ở đây đã lâu, làm sao không thấy người ăn cá ăn thịt chi hết?” Huệ-Năng trả lời:” Này chư vị, tôi đây cũng như chư vị vậy, nhưng tôi là người hồi tâm tu hành, thấy chư vị săn bắn cầm thú mà ăn, thật tôi đau lòng không nỡ ăn, mà cũng không nỡ giết, vì loài người cùng loài vật cũng đồng tham sanh húsử tử. Nếu mình bắt nó mà ăn thịt, nó cũng tha nha thiết xỉ và đau đớn vậy; còn như mình đây nếu ai có đến bắt mình mà làm những hình trạng như vậy thì mình có đau đớn không?”

Không hạn là nhơn vật, đến loài sảng cỏ còn biết đau đớn thay!! Tôi đây vì thương người và vật nên không đành làm lợi cho mình mà hại vật.

Người đã sanh trong cõi nhơn-đô này, tạo-hóa đã cho loài người đứng đầu muôn vật thì người phải thương và săn-sóc cho muôn vật được tấn hóa ngày ngày cho mau sáng-suốt, trở nên một cảnh vô sanh; như vậy mới phải có đầu mình đã đứng đầu muôn vật rồi mình lại bắt nó mà ăn; thế là: mạnh hiếp yếu, khôn hiếp dại, làm vậy thì tạo địa, ngục luân hồi, biết chừng nào cho hết”.

Huệ-Năng giảng một hồi bọn thợ săn liền tỉnh ngộ cùng nhau theo Huệ-Năng mà đi tu hành không màng nghề săn nữa.

Bây giờ Huệ-Năng đắc đạo, lục thông đã hiện, mới tính trở về đặng phổ hóa chúng sanh. Trong kinh thơ có câu: “**Thời tiết chí như ngư đắc thủy**” nghĩa là: Ngày giờ đến như cá kia gặp nước, còn lo chi không đặng tự toại tiêu diêu.

Lúc này Huệ-Năng dắt bọn thợ săn đi thuyết pháp và dạy đạo, ngài có ngâm bài kệ như vậy:

**Động đá bấy lâu dốc ẩn mình
Cội tòng nương dựa tụng Huỳnh-Đình
Muốn luyện kim đơn cùng xá lợi
Xây lò tử-phủ nấu ngươn tinh**

Từ đây Huệ-Năng đi dạy đạo châu lưu các nước.

Còn việc Ngũ-Tổ dạy Huệ-Năng, Thàn-Tú trong các đơn kinh có nói, đây không nhắc lại làm chi cho choán giấy.

Nói về Huệ-Năng đi dạy đạo các nước, ngài làm đến chức Luật-Sư, người gọi là Lục-Tổ. Bây giờ ngài từ giả tứ chúng trở về chùa Bửu-Lâm-Tự.

Ngày kia Lục-Tổ đưng thuyết pháp cho tứ chúng nghe, có tên tăng Pháp-Đạt, là người ở đất Hồng-Châu mới nên bảy tuổi đã xuất gia tu hành. Thường nghe đồn chùa Bửu-Lâm có Lục-Tổ dạy đạo, nên đến ra mắt Lục-Tổ đánh lễ mà đầu chẳng tới đất. Lục-Tổ hỏi: “Người làm lễ ta sao đầu chẳng tới đất là nghĩa gì?”

Pháp-Đạt trả lời: “Từ ngày tôi xuất gia đến nay, tôi tụng kinh Pháp-Hoa hơn ba ngàn bộ, công đức rất nhiều lẽ nào tôi phải lay ngài sát đất”.

Lục-Tổ nói “Thiệt dốt quá, nếu nhà người tụng một muôn ngàn bộ kinh Pháp-Hoa đi nữa, bắt quá (**Đắc kỳ kinh ý**) tụng cho biết ý kinh mà chơi. (**Bất dĩ vi thắng**) chớ có chi là hay, nào có công đức gì! Này Pháp-Đạt người tu mà không biết chữ tụng là gì, chữ đọc là gì? Đề ta giải nghĩa cho người nghe: **Tụng giả là Học-giã**. Chữ tụng nghĩa là học vậy; **Độc-giã là Học-giã**, chữ đọc nghĩa là học vậy; làm sao mà kêu khác nhau, người biết không? Vì **Đời** và **Đạo**, phải kêu khác nhau như vậy, chớ cũng có một nghĩa mà thôi. Này người nghe không: Sách là gì? Là giấy mực viết ra kêu bằng Sách: ấy là ngoài con đường **Đời**; còn Kinh là gì? Kinh cũng giấy mực viết kêu bằng Kinh, ấy là trên con đường **Đạo**, người biết chưa? Đó là **Đời** và **Đạo** phải gọi “Kinh, Sách” hai tiếng khác nhau, nhưng có một mà thôi. Như sách thì để chép những lời của Thánh, Hiền; còn kinh thì biên những lời nói của Tiên, Phật để lưu truyền qua đời sau cho người ta đọc và tụng đặng biết ý ông Thánh ông Hiền ông Tiên ông Phật đó mà thôi. Kinh có câu (**Tụng kinh giả minh Phật chi lý, hà năng tác Phật tai**) nghĩa là “Tụng kinh cầu cho sáng lý của nhà Phật, làm chi thành Phật đặng!” (Độc thơ giả minh Thánh Hiền chi từ, như hà tác Thánh Hiền tai) nghĩa là: “Độc sách đặng biết lời ông Thánh ông Hiền, chớ bao giờ làm đặng ông Thánh ông Hiền sao?” Đó ... có một chút vậy mà không biết, cứ để tưởng chắc mình tụng kinh mà thành Phật! Này Pháp-Đạt, người nói tụng kinh thành Phật ta cũng chịu cho người là phải, còn kẻ đọc sách có thành Thánh không? Nếu đọc sách không thành Thánh, thì tụng kinh cũng không thành Phật đặng, như vậy mới là công bình cho, vậy người không

nghe trong kinh nói hay sao? (**Khẩu tụng thiên ngôn bất hành hà ích?**) nghĩa là: “Dầu có tụng một ngàn lời ngoài miệng, mà cái tâm không hành con đường đạo chánh, thì không có ích gì!”.

Người hãy nghe bài kệ đây:

Phát-Đạt khá nghe lão kệ mà
Sách kinh viết mực tả truyền ra
Nếu muốn đi tu thành chánh giác
Bổ chuông cùng mõ với ngâm nga.

Phát-Đạt nghe rồi lại hỏi: “Bạch Tôn-sư, xin Tôn-Sư mở lòng từ bi giải nghĩa kinh Pháp-Hoa cho con học; con tuy tụng đã bảy năm, song có nhiều chỗ con chưa hiểu nghĩa”.

Lục-Tổ lại nói: “Tụng mà không biết nghĩa lý trong kinh là gì, hèn chi mới chắc mình thành Phật, chẳng ngờ trong kinh là chép những lời nói của mấy vị Bồ-Tát hỏi Đức Như-Lai, rồi Đức Như-Lai trả lời và thuyết pháp cho mấy vị Bồ-Tát nghe. Bây giờ mắc mớ gì mình phải nhắc lại, nếu nhắc lại không ích gì? Phát-Đạt hãy nghe đây, sách có câu: “**Tạo chúc cầu minh đọc thơ cầu lý**” nghĩa là làm đước phải cầu cho sáng, còn đọc sách phải cầu cho biết nghĩa lý, bằng đọc sách mà không biết nghĩa lý, không khác chi người điếc đầu đặng nghe trời gầm? Cầm đước mà không cầu sáng, không khác gì người đi đi đêm cần gì là đước, Phát-Đạt, người tụng kinh Pháp-Hoa không nghe nói câu: “**Thử kinh ngươn lai di nhơn duyên xuất thế vi tôn**” nghĩa là: xưa nay kinh Pháp-Hoa nói, hễ người mà xuất gia rồi, đều có nhơn duyên với Phật, mới đặng như vậy? Vì sao có nhơn duyên, mà không đặng thành Phật người biết không? Cũng tại thế nhơn, “**ngoại mê trú tướng, nội mê trú không**” bởi vì người đời ngoài thì chấp mê các tướng, (nào sắc tướng, thanh âm, vẽ vời thêm bớt); trong thì chấp mê những cái không, vậy nên phải làm chúng sanh đời đời kiếp kiếp; nếu biết “**ly tướng**” là lia tướng pháp, “**ly không**” là lia cái không, thì trong ngoài đều không chấp mê, làm chi không thành Phật đặng. Nên có câu “**nhược ngộ thử pháp nhứt niệm tâm khai**”; nếu trong ngoài không chấp mê, lia đặng các tướng rồi, và biết đặng cái phép của ta đây, thì một lần niệm, con đường đạo tâm đã mở không cần chi là tụng kinh. Lại có câu “**tam thiên thất bửu tuy đa, dụng tận hườn quy sanh diệt**” nghĩa là: ba ngàn bảy trăm món báu tuy là nhiều,

dùng hoài có ngày phải hết, “**tứ cú kinh văn tuy thiểu, ngộ chi phương chứng Bồ-Đề**”: bốn câu tứ cú kệ tuy là ít, mà biết đặng thì chứng quả Bồ-Đề; hơi đâu mà tụng kinh, tụng cho khô cổ mà không biết nghĩa, dầu có tụng muôn năm cũng không ích gì, thôi hãy nghe bài kệ này:

Tâm địa hôn mê chuyển Pháp-Hoa,
Tụng mà chẳng sáng ấy thù nhà;
Không niệm nửa câu gọi là chánh
Có niệm một tiếng ấy cũng tà.

Lục-Tổ kệ rồi lại nói thêm: “Đó ... trong kinh Pháp-Hoa nói: (**Khử niệm vi tiên**) Bỏ niệm trước hết, niệm mà còn biểu bỏ phương chi là tụng”.

Phát-Đạt nghe đến đây phát đại ngộ, quì lạy Lục-Tổ khóc mà nói rằng: “Đệ-tử là Phát-Đạt, từ ngày xuất gia tu hành đến nay, chưa từng chuyển kinh Pháp-Hoa, bây giờ bị kinh Pháp-Hoa chuyển; nay đệ-tử xin Tôn-Sư mở lòng từ bi dạy bảo và xin Tôn-Sư giải nghĩa chỗ này: Trong kinh Pháp-Hoa nói “**Tam xa giả, dương lộc chi xa, dữ bạch ngưu chi xa như hà xu biệt**”; chỗ nào bạch ngưu, xe nào dương, xe nào lộc, xin Tôn-Sư chỉ bảo?”

Lục-Tổ nói: “**Kinh ý phân minh nhữ tự chấp mê**” nghĩa là: Lời nói trong kinh Pháp-Hoa rành rẽ, mà người bo bo những sự chấp mê, ấy là cái bịnh cố chấp bất thông của người đó. Người không nghe cổ nhơn nói: “**Đọc thơ già, biện thánh ngôn chi từ, bất khả cố chấp, khả di kinh huyền nhi tụng chi**” nghĩa là: Người đọc sách phải phân biện những lời nói của ông Thánh ông Hiền, chẳng khá cố chấp, hễ biết chỗ nào dùng kinh, thời dùng kinh, phải chỗ nào dùng huyền, thời dùng huyền. Cái này mới viết ba chữ vừa đọc sách đượ, thời lại cố chấp. Nay Phát-Đạt, trong kinh Pháp-Hoa nói: “**Tam thừa chi nhơn bất năng trắc Phật trí**” nghĩa là “Ba bậc chơn người há lường đặng ý Phật sao?” Người phải biết lời Phật nói: “**Cao nhi hựu huyền, đê nhi hựu diệu phạm phu khởi năng thức lai**” nghĩa là: Lời nói của ông Phật: bậc cao thì có huyền bí, có mâu nhiệm, bậc thấp thì nghĩa lý u-thâm, còn bậc phạm tục hà nghe đặng hay sao? Như Phật là người đứng vào bậc tối thượng nhứt thừa, lời nói u thâm không tốt, khó mà lường đượ; phạm người tu hành đừng có tưởng tụng kinh đọc sách nhiều mà đượ

thành Tiên thành Phật đầu. Trong Quan-Âm Chơn Giải có câu: **“Tự cổ chứng Phật thành chơn bất tại ư mạo tướng, chỉ trọng đức hạnh, bất trọng tài học, chỉ trọng tâm chí bất tại thế lợi”** nghĩa là: “từ xưa đến nay những người chứng Phật thành nhơn, chẳng phải đợi có sắc tốt, tướng tốt, hay là lịch sự mà đặng thành Phật, chỉ dùng cái tâm chí; lại chẳng phải nơi tài học mà thành, chỉ dùng người có đức hạnh mà thôi. Những ông nào được thành Phật là người đó có đức hạnh đầy đủ hoàn toàn chẳng phải dùng thế lợi và tụng niệm mà thành Phật đâu” **Tướng như vậy một ngàn muôn năm cũng không ích gì.** Trong kinh Pháp-Hoa có nói: **“Khẩu niệm bất tại tâm hành, tâm hành bất tại khẩu niệm”** nghĩa là: “Người tu hành phải có tâm chí đức hạnh cho nhiều và cái tâm phải hành cho nhằm đường đạo chánh thì mới thành Phật; không hay vì cái miệng nói, cái miệng tụng”. Lời nói và việc tụng kinh thì ai làm lại không được, nó hay là ngộ minh-sư cùng ngộ đạo. Chẳng phải nó hay vì ngộ kinh ngộ sách ở đâu; phàm người tu muốn cho đặng thành Phật thì phải học theo tâm tánh ông Phật, vì hồi trước ông cũng phàm tục như mình, rồi ông tu cách nào đặng thành Phật, mình phải coi theo đó; ông Phật tu làm cho được phản bốn hườn nguyên? – Phản bốn là làm sao? Nghĩa là đem cái bốn tánh về thì được thành Phật chớ có chi đâu lạ. Nay mình muốn làm Phật thì phải làm cho được phản bốn như ông vậy, ấy mới thành Phật được. Ông Phật đâu có tụng kinh, nay mình muốn tụng kinh mà tưởng mình thành Phật, thì khác hẳn với ông đi, đâu có nhằm, nếu không nhằm thì làm Phật sao đặng! Phàm người tu hành phải sửa tâm tánh: mỗi việc làm phải có đức hạnh, người có đức hạnh ấy là Phật, còn những việc tụng kinh cúng dường đó là những người giữ đạo cho ông Phật; dầu có giữ đạo cho Phật một ngàn năm đi nữa, cũng là người giữ đạo mà thôi, làm chi thành Phật đặng. Ví dụ: Mình ở ngoài con đường đời, mình muốn đi học, thấy ông Đốc học quyền cao chức trọng, ý mình muốn làm đặng như ông thì mình phải ráng công học tập cho tài đức bằng ông thì sẽ được làm ông Đốc học vậy. Còn mình không học chỉ đi theo ông năn nỉ lạy lục chịu cực khổ xách gói cho ông ngàn năm đi nữa thì cũng không trông gì làm ông Đốc học được, mà lại thành một người xách gói cho ông đó thôi, như vậy đó biết chưa? Hãy nghe bài kệ này thì rõ:

**Kinh tụng ngàn pho rất uổng công
Tào-kê một ngọn nước giữa giòng
Nếu chẳng biết trong mình có lửa
Làm chi gián đắc thử chơn long.**

Pháp-Đạt lại hỏi thêm, bạch Tôn-Sư: “Xin Tôn-Sư mở lòng từ bi dạy đệ tử học làm Phật còn cái công phu của đệ tử bảy năm tụng kinh nay đã trôi theo dòng nước”.

Lục-Tổ nghe vậy cũng thương mà nói rằng: “Này Pháp-Đạt, như người muốn học làm Phật ta sẽ truyền pháp-bửu cho, bằng muốn giữ đạo tụng kinh, thì hãy tìm chùa khác mà học”.

Pháp-Đạt lạy và bạch rằng: “Đệ tử xin học làm Phật chớ không học giữ đạo. Vì trước đệ tử lạc đường, nay nhờ Tôn-Sư chỉ dẫn mới tỉnh ngộ ăn-năn hồi hướng theo Tôn-Sư cho đến cùng”.

Lục-Tổ lại nói: “Này Pháp-Đạt, những người tu hành xưa nay người nào được thành Tiên, thành Phật đều phải học chỗ một là chỗ vạn pháp qui nhứt hễ người muốn tu thành Phật phải học tại chỗ một, chúng đặng chỗ một rồi thì vạn sự tất. Người muốn học cho nên đạo phải bắt từ đây mà học. Đạo là vô cực, rất cao xa huyền diệu, chẳng phải nói một tiếng mà rồi, chẳng phải tu một ngày mà thành. Con đường đạo và vô thượng, chẳng phải gần mà cũng không dễ, nếu dễ thì thiếu chi người thành Phật. Khó lắm!! Khó lắm!! Tu phải bắt từ chỗ vô cực: **“vô cực giả hồng môn vọng phân âm dương vọng phân!”** nghĩa là “Đạo đã có trước trời đất, âm dương chưa phân, đến khi trời đất, âm dương đã phân, nên có câu: **“thiên đắc nhứt di thanh”**, trời đặng một khí hư vô mà thanh; **“địa đắc nhứt di ninh”**, đất đặng một khí trọng trọc mà yên; **“nhơn đắc nhứt di Thánh”**, người đặng một mà làm Thánh. Vì sao người đã đặng một mà không làm Thánh? **“Nhơn đắc nhứt nhi bất toàn kỳ nhứt”** bởi người đặng một mà chẳng trọn thừa một. Vì cái một chẳng phải mọi người biết đặng. Tuy là tạo-hóa sanh loài người ra, đã cho mọi người đều có ngôi tam bửu cũng bằng trời đất nhưng Ngài lấy màn bí-mật mà che cái chỗ một đó, không cho mọi người biết đặng, vì vậy mà người không đặng đồng thái hư nhứt thể, cho nên mấy vị Thiên Sư đều hỏi: “nhứt qui hà xứ? Đó có một mà còn không biết cái một nó về đâu, phương chi là năm sáu nếu không biết chỗ một thì sánh với Tiên Phật còn xa lắm vì hễ là Phật, Thánh,

Tiên đều đặn chỗ một, còn mình đi tu mà không tu chỗ một thì thành sao đặn?”

Pháp-Đạt hỏi: “Bạch Tôn-Sư chỗ một là gì? Xin Tôn-Sư chỉ dạy”

Lục-Tổ: “Trong kinh ký-tế có câu: **“Phù tu đạo tiên quan kỳ tâm, quan tâm diệc tại linh quan nhứt khiếu; nhơn tự thọ sanh cảm khí chi sơ; bảm thiên địa nhứt điểm ngưng dương, quá sanh thứ khiếu, di toan ngưng thần; kỳ trung không không động động; chí hư chí linh, nãi ngộ nhơn chủ tế”** nghĩa là: người muốn sửa mình mà học đạo thì trước phải quán tâm ấy là hồi quan phản chiếu, soi cho nhằm cái con đường đạo tâm là chỗ huyết linh quan nhứt khiếu, ôi!! Người mới sanh ra buổi đầu, chịu khí bảm của Trời Đất mà hóa sanh, một điểm ngưng dương mới thành ra một khiếu, cái khiếu này để nuôi ngưng thần, trong khiếu ấy không không động động, rất hư rất linh, ấy là chủ thể của con người đó. Năm đặn cái khiếu này thì sống, không đặn thời thác, người tu hành hề biết được cái khiếu ấy rồi, phải soi nó ra cho trống, thời đặn làm Phật, Thánh, Tiên sống bằng thái cực. Hãy nghe bài kệ này:

**Một lỗ huyền quan ở giữa mình
Cách xa biển Bắc kế Huỳnh Đình;
Khiếu ấy bao la cùng vạn vật
Nếu ai biết đặn chứng vô sanh.**

Lục-Tổ kệ rồi nói tiếp: “Đó từ xưa những nay, người mà đặn thành Phật, thành Tiên, cũng đều đặn chỗ một mà thành, nên trong tam giáo có nói: **“Nho viết tôn tâm dương tánh; thích viết minh tâm kiến tánh; Đạo viết tu tâm luyện tánh”**. Đó ba giáo đều chỉ tâm tánh biểu tu tại đó. Nhưng tâm tánh là bản thể của con người, cho nên Lão Tử nói: **“Đạo chi đặc nhứt giả, đặc thử bản thể chi nhứt”** ta đây đặn chứng chỗ một, là đặn trong bản thể chứng chỗ một vậy. **“Thích chi qui nhứt giả, qui thử bản thể chi nhứt”** còn đạo Thích gom về một ấy là gom về trong bản thể chứng chỗ một. **“Nho chi quán nhứt giả, đặc thử bản thể chi nhứt, nhi quán chi giả giả”** đạo Nho chứng suát một là đặn trong bản thể chứng chỗ một. **“Dư ư thị bất tri chấp trung bất nhứt quán, kỳ năng thanh nhi Khổng-Tử hồ”**, ta đây là Khổng tử nếu chẳng biết chấp trung bất nhứt, làm sao suốt đặn chỗ một mà thành một vị Thánh hay

sao? **“Bất thủ trung bất đặc nhứt, kỳ năng huyền nhi Lão-Tử hồ”** ta đây là Lão-Tử, bằng chẳng thủ trung, thì chẳng đặn một làm sao lập đặn một cửa huyền môn, xưng mình là đạo Lão-Tử? **“Bất không trung bất qui nhứt, kỳ năng thiên nhi Thích-Ca hồ”** ta đây là Thích-Ca nếu không lấy chữ không trung mà gom về một, làm sao lập đặn đạo Thiên môn mà xưng mình là Đạo Thích? Đó người thấy không, trong tam giáo đều chỉ cho một.

Từ xưa những nay, người tu mà thành Phật, Thánh, Tiên cũng đặn chỗ một mà thành, nào có ai tụng kinh mà thành Phật đặn đâu! Nhưng cái một, mà trong tam giáo đều kêu tên khác nhau chỉ có một lỗ huyền quan mà thôi, như: “Nho viết: **Linh đài**; Thích viết: **Linh sơn**; Đạo viết: **Linh quan**” Đó tam giáo kêu tên không giống nhau chớ thiệt nghĩa có một vậy. Đó người thấy không? Có một mà nói nhiều như vậy còn chưa hết thay; nên trong âm-dương kinh có câu: **“Nhơn tuy Nam Bắc, pháp hữu nhứt tôn”** nghĩa là: Người tuy ở phương Nam phương Bắc, cái pháp chánh có một gốc mà ra. **“Cái lập môn đình, thị phi tương thẳng”** cần phải lập cửa đạo, kêu tên đạo, tranh hơn thua hay dở làm gì? Thôi hãy nghe bài kệ đây:

**Khác tiếng lạ tên nghĩa một mà,
Người đều lập cửa gọi rằng ba;
Nếu đặn thành công về một chỗ,
Tây phương sẽ đến viếng Thích Ca.**

Lục-Tổ nói: “Đạo chỉ có một mà thôi, tuy là có một nhưng nó ẩn trong ngàn kinh muôn sách, chẳng biết là bao nhiêu, hơi đâu mà học, cho nên chỗ một. **Nhứt bản tán vạn thù, qui ư nhứt bản**. Đó, chữ nhứt nó bao la vạn vật, rồi muôn vật gom về một, nói không hết đặn.

Trong Ký-Tế kinh có câu: **“Phàm tu đơn chi sĩ, nhược dục phản kỳ bản phục kỳ sơ sử long hồ qui ư danh trung, tánh tình hiệp ư nội khiếu, đương dụng long tùng hỏa lý xuất, hồ hướng thủy trùng lai lưỡng tình lưu luyện, nhị khí giao gia, thiên địa cấu tinh, nhưng nguyệt giao quan bàn truyền ư tổ khiếu chi trung, tư nhiên phục thử tiên thiên vợi phán chi chi, nhi thành hỗn ngưng chơn nhứt”**. Nghĩa là: người muốn tu luyện kim đơn, thì phải làm cho phản bản, là trở lại hồi buổi đầu, là chỗ cội nguồn,

bây giờ phải khiến rồng cộp về trong đánh, tánh tình hiệp vào trong tổ khiêu, chỗ này là giáng long làm cho rồng theo lửa mà ra, tới đây là phục hồ, phải làm cho cộp theo nước mà lên đến nê hườn, rồng cộp gặp nhau, hai tinh lưu luyện không phân chỗ này là thủy hỏa ký tế, là trời đất cấu tinh, mặt nhật mặt nguyệt chiếu sáng, đều gom về trong lò mà nấu, tự nhiên thành một khí tiên thiên: chỗ này là tứ tổ qui gia, tam gia tương kiến, đều đem về lò mà nấu thành một khí hỗn ngưng chơn nhưt, mới trở về chỗ một. Hễ đặng vậy thì vạn sự tất, hãy nghe bài kệ này:

**Cộp rồng hay gã ở Tây Đông,
Lễ phải thương nhau chẳng tranh hùng;
Bằng ai giải đặng gom về một,
Thần tiên nháy mắt chẳng lao công.**

Lục-Tổ kệ ròi nói: “Phàm người tu muốn luyện kim đơn, thì phải công phu luyện kỹ, hễ đắc kỳ chơn truyền, mới dám ngồi mà luyện thuốc, nếu không đắc kỳ chơn truyền dầu có tu một ngàn năm đi nữa cũng khó mà luyện thuốc cho đặng: người tu đơn phải biết việc tu đó là khó lắm, không nên làm bướng, chẳng phải ý mình biết chữ mua sách đạo về coi rồi cưỡng giải cưỡng tác, thành ra làm hại cho tánh mạng, đó là việc lớn không nên làm vậy. Trong sách có câu: **“thiên lý tâm minh-sur”**, nghĩa là: đường ngàn dặm cũng phải tầm ông **minh-sur** mà học. **“Vạn lý cầu khẩu khuyết”**, nghĩa là: đường muôn dặm cũng phải cầu lời khẩu khuyết. Chẳng phải biết chữ mua sách về học, rồi đặng làm Tiên làm Phật, thì không ai làm thầy ai. Nếu coi sách thì làm sao biết được tứ tổ qui gia, tam gia tương kiến, đi lư quán đánh, và chiết khảm điền ly, thiệt là khó lắm khó lắm ... vậy hãy nghe bài kệ này:

**Ba nhà nay đặng hiệp một đường,
Tứ tổ gom về giữa trung ương;
Khá kíp đi lư mau quán đánh,
Xây lò tứ phủ đối âm dương
Nước lửa gặp nhau cung Bắc-Đẩu
Khảm ly ký tế tại khung thương
Sanh đặng bửu châu nơi ngọc đánh
Rớt xuống Huỳnh-Đình thể an khương**

Pháp-Đạt lại hỏi: “Bạch Tôn-Sư đã giải nghĩa chữ nhưt, chỗ đó là đạo kêu có một, nay Tôn-Sư đã giải chữ một, thiệt huyền diệu lắm. Còn những việc tụng kinh cúng dường bố thí đặng cầu công đức, việc ấy có vậy không? xin Tôn-Sư chỉ dạy”.

Lục-Tổ liền cười ngất mà rằng: “Thiệt nhà người dốt quá, hễ đọc sách thì chỉ biết nhơn nghĩa mà ở đời, còn tụng kinh biết ý kinh và lý thuyết của nhà Phật mà thôi: chớ có cầu công đức chi đâu. Còn việc bố thí cúng dường mà cầu công đức thì có. Hai chữ công-đức có bốn hạng như vậy:

1. Như mình ở ngoài thế muốn cầu công-đức cho xác thân, thì phải cúng dường bố thí; cái công-đức này làm cho người ta khen, nói mình làm lành chớ không dính dấp gì với ông Phật. Ấy là công đức ngoài thế sự.
2. Còn như sắc thân mình đây, muốn làm công-đức cho đặng thành một cái pháp thân, là thân Phật, thì phải làm như vậy, có câu: **“Bất ly tự tánh thị công”** nghĩa là: Giờ khắc nào không lìa bản tánh ấy là công. **“Ứng dụng vô nhiễm thị đức”** hai chữ Ứng dụng nghĩa là: Mình làm những việc gì, dầu có thấy công danh phú quý trước mắt mà không nhiễm, ấy là đức. Cái công đức này sẽ đặng làm một vị pháp thân để hưởng phước đời đời.
3. Còn mình muốn làm công đức hóa thân, là thân Phật thì có câu: **“Tự tu tánh thị công”** nghĩa là: Mình sửa cái bản tánh của mình. Cái bản tánh của mình làm sao mà sửa? Cái bản tánh mình vì hồi buổi đầu mình **có tánh lành**, đến lớn lên mắt ngó thấy đời, lo chen lẩn với người làm cho bản tánh phải mờ tối. Nay mình tu đây, là mình sửa nó bỏ cái dữ đem cái lành về, ấy là công, **“Tự tu thân giả đức”**, nghĩa là: Mình sửa cái sắc thân của mình. Mà làm cách nào sửa cái sắc thân của mình được? Vì nó chịu phụ tinh mẫu huyết mà sanh ra, hồi buổi đầu thân thể đầy đủ khí huyết cụ thanh, nay mình đã phá hoại, làm cho khí huyết hao mòn bây giờ đây mình đã hồi tâm thì phải biết sửa nó lại, làm cho nó thanh vượng như hồi buổi đầu, ấy là đức. Cái công đức này là của sắc thân để làm đến một vị hóa thân, đặng hưởng vô cùng khoái huyệt.
4. Còn muốn làm cái sắc thân cho được công đức báu thân là thân Phật, thì lại có câu: **“Niệm niệm vô dấn thị công”** cái công đức này khó lắm. Ngày, giờ, khắc nào chữ niệm không lìa trong con đường

đạo tâm. Đó là công. Cái công này lớn lắm. **“Tâm hành bình trực thị đức”** nghĩa là: mỗi ngày mình làm việc gì lòng phải cho ngay thẳng, ấy là đức. Cái công đức này thì được sắc thân viên mãn, làm một vị bấu thân là thân Phật, được hưởng tiêu diêu tự tại. Đó, có một cái sắc thân mà phân ra làm công đức bốn bậc như vậy, không phải bố thí cúng dường mà kể công đức với ông Phật được đâu; hãy nghe bài kệ này:

Nói đặng không làm nghĩa cũng không?

Có chi mà gọi ấy là công

Đầu tụng muôn năm khôn thấy tánh

Trông gì gặp mặt chủ nhơn ông

Lục-Tổ nói: “Nhơn nhơn bốn cụ tam thân Phật là: mỗi người đều có ba cái thân Phật: như là pháp thân, hóa thân, bấu thân đều ở trong cái sắc thân mà hiện ra, chẳng phải ở ngoài vì người đời hay chấp mê nên không biết cái bản tánh của mình. Cái bản tánh mình là bản tánh Như-Lai mà không biết lại bo bo ôm cái chấp mê để đi cầu Đức Như-Lai thì Như-Lai ở đâu mà cầu? Lấy câu dưới đây mà suy thì biết: **“Ngoại thủy vô ba toàn ba thị thủy”**, nghĩa là: không có nước thì chẳng bao giờ có sóng, mà cả sóng ấy là nước sanh ra. Cũng như không có cái sắc thân này thì làm chi có thân Phật cho được. Vậy có phải Phật là người hay không? Còn kiếm ở đâu nữa?? Nay Pháp-Đạt, chẳng phải nước Tây-Vực hay là nước Cao-Mên có Phật, còn nước Việt-Nam lại không có Phật hay sao? Nhưng Phật là người, mọi người đều đặng làm Phật, song là cái sắc thân này hay nhiễm những việc thế sự và hay làm cho người đặng quyền cao chức trọng; “thiệt cũng vì nó làm cho con người bị khổ bị hại đó”, nên có câu: **“Thôi nhơn di phò nhơn tận thị nhứt ban thủ”**, ấy có phải là tại cái tay nó độc như vậy hay không?? Nó đã xô người rồi nó lại đỡ người rất dễ. Xem đó thì biết câu: **“Tri kỳ yếu nhứt ngôn chi chung, bất tri kỳ yếu lưu tán vô cùng”**, nghĩa là: biết đặng cái yếu lý của nhà Phật, và của đạo thì một lời nói cũng trọn, bằng không biết vậy, dầu có viết hết giấy, hết mực khô ngời viết đi nữa thì cũng không cùng được; trong kinh Niết-Bàn có câu: **“Thế nhơn chung nhựt thường nhiệm bát-nhã bất thức tự tánh bát-nhã, du như thuyết thực bất bào”**, nghĩa là: người đời hằng niệm câu bát-nhã, chẳng biết cái bản tánh bát-nhã là gì; cũng như nói ăn mà

chẳng ăn, làm chi cho no và cứ nói một chút nữa ăn hay bây giờ ăn nói như vậy hoài hoài làm sao cho no được. Có câu:” **Khẩu đặng thuyết không, vạn kiếp bất đắc kiến tánh, chung vô hữu ích”** nghĩa là “cái miệng nói không, dầu cho muôn năm cũng không đặng thấy tánh; thiệt không ích gì”. Cũng như nói một hồi nữa tôi đi Tây-Phương, một chút nữa tôi sẽ về xứ Cực-Lạc, nói đi mà không đi, rồi có tới hay không hử?? Nay Pháp-Đạt, phàm làm người tu hành phải đem hết tâm chí để trước mắt rồi xét coi cho kỹ trong mình của mình, lại xem đến việc ngoài mình, nhìn coi cái nào thiệt cái nào giả, phải biết cái nào hư, cái nào nên mà dùng mới là không lầm.

Phật ở đâu? Phật là mình, mình đây là Phật Phật tại tâm tâm tức Phật, chớ Phật đâu có ở trên mặt sách tìm kiếm mất công, hãy nghe bài kệ này:

Trong mình ta đủ há vọng cầu,

Dọn xuống một đường phải cho sâu;

Ở xa nó thấy chơn tiên tử,

Đương ngồi phản chiếu luyện phép màu.

Pháp-Đạt hỏi: “Bạch Sư-phụ đã giải nghĩa cùng đường bố thí rồi, còn hai chữ sám-hối làm sao? xin sư phụ chỉ bảo.

Lục-Tổ nói rằng: “Thằng này nhiều chuyện quá hãy nghe ta giải nghĩa hai chữ sám-hối: “Sám Giả Sám Ký Tiên Khiên, Hối Giải Hối Kỳ Hậu Hóa”. Hai chữ sám-hối nghĩa như vậy đa, vì vậy mới có việc sám-hối. Hồi buổi trước chưa có trời đất thì có một vị Ngươn Thi Thiên Vương hóa thân. Từ ngày ấy cả thầy ngươn thần lạc về hậu thiên, thời chơn lịnh xuống phàm đầu thai, mới sanh sanh hóa hóa nhiều kiếp nhiều lần, nên có việc tiên khiên nhơn quả; cũng vì vậy mọi người phải sanh lại cõi nhơn-đô này, mới có nhơn duyên quả báo, hoặc đòi nợ hoặc trả nợ. Hễ người sanh lại chốn nhơn-đô này, đều là người không tội nên mới đặng sanh làm người, bằng có tạo tội thì phải bị tay Diêm-Vương tra xử và còn phải vào trong tứ ngục đầu thai, hoặc thai sanh, noãn sanh, thấp sanh, hóa sanh; phải lặn lặn lộn lộn mà đền cho hết cái tội ở địa ngục, rồi mới đặng sanh ra làm người. Nay mình đã sanh đặng làm người, cần gì mỗi ngày phải đi lạy sám-hối làm chi. Lạy là gì? Lạy vậy có ích chi không? Nay Pháp-Đạt, mình có tội thì Diêm-Vương đã trị tội rồi,

nay mình hết tội mới đặng đầu thai làm người; can có gì phải đi lạy sám hối nữa? Thôi như có sám-hối thì phải đi lạy sám-hối với Diêm-Vương mới phải, vì người coi về phần chánh-trị và chấp chương việc xử đoán những điều tội phước, mà đi lạy sám-hối với ông Phật là nghĩa gì? Tuy nói như vậy chớ xét cho kỹ, có tội lạy hoài cũng không tha, bằng sợ tội thì đừng làm quấy. Hai chữ sám-hối là tại hồi buổi đầu mình gây những việc không lành, nên phải trở lại cõi nhơn-đô này đặng đòi nợ hoặc trả nợ. Nay mình sám là sám ký tiền khiên, là mình không có gây nữa, mà cũng không tạo những việc tiền-khiên nữa đó là sám. Còn hồi mình sanh mình đặng làm người đây thì phải hồi hận ăn năn từ đây đến sau không tạo việc dữ không làm việc lỗi nữa, đặng mau trở về con đường cũ cho tiêu điều tự toại, đó là sám-hối. Chẳng phải đến chùa lạy sám-hối, rồi về nhà tạo những việc oan khiên, như vậy sám-hối cái gì?? Sám-hối cách đó thì đầu gối phải sung, thành ra xuôi bại phải rước thầy uống thuốc đặng trừ bệnh sám-hối. Hồi là mình hối, mình xét mình không làm điều quấy, không tạo việc luân-hồi quả-báo nữa, nghĩa là hối. Vậy nghe bài kệ đây:

**Hai cõi cách nhau lý một mà
Dương-gian Âm-phủ chẳng đâu xa
Sợ tội gìn lòng đừng làm quấy,
Phạm luật lạy hoài cũng chẳng tha.**

Pháp-Đạt hỏi thêm: “Bạch Tôn-Sư đã dạy những việc tu hành và giải nghĩa cho đệ tử nghe thiệt là phải lắm; nay đệ tử xin thọ giáo với Tôn-Sư chẳng biết dùng lễ vật chi và đặt bàn hương án, làm số cáo với Phật hay không? Xin Tôn-Sư dạy bảo”

Lục-Tổ nghe hỏi liền cười ngất mà rằng: “Thằng này tên Pháp-Đạt mà dốt quá, không thông chút nào, thiệt là chấp mê. Người không thấy trong kinh thơ nói hay sao “**Khai Trì Bất Đãi Nguyệt Trì Thành Nguyệt Tự Lai**” nghĩa là: Đào ao chẳng phải chờ có mặt trăng mới đào đặng, hễ mình đào ao rồi thì mặt trăng tự nhiên mà đến.

Đó là do cái lý tự nhiên. Hễ mình muốn tu, thì phải làm sao cho đức hạnh đầy đủ, nếu đầy đủ rồi thì cái điển lành của mình nó tỏa ra trên cảnh hư không, chừng đó Tiên Phật thấy mình có đức hạnh hoàn toàn, ngài đến rước mình. Còn bây giờ đây mình mới đi tu,

chưa biết được hay không mình lại làm số cáo trước cho Phật hay, nếu mình tu không được, chừng gặp ông Phật ngài hỏi mình: “Sao hôm nọ nhà ngươi làm số cáo rằng: nhà ngươi đi tu? Sao bây giờ ngươi không tu, là nghĩa gì?? Rồi nhà ngươi trả lời làm sao? Có lẽ nhà ngươi trả lời rằng: “tôi tưởng đi tu chừng năm sáu ngày thì đặng thành Phật, ai ngờ lâu quá, nên không tu nữa, hay là nhà ngươi nói ăn chay xót ruột, ly gia bị nhớ nhà rồi nửa chừng mà thôi đi chẳng? Hay trả lời làm sao hử? Thôi hãy nghe bài kệ này:

**Đẹp lẫn sắc tướng với thanh âm,
Chẳng phải đâu xa nhọc sức tầm
Hé cửa thiên môn dòm ngó thấy,
Cần gì dưng số đến Quan-Âm**

Pháp-Đạt nghe kệ rồi lại hỏi: “Bạch Sư phụ, bây giờ dạy con tu chỗ một rồi tu đến đâu mới có kết quả”.

Lục-Tổ liền nói: “Cha chả, mới học mà hỏi thăm ngày kết quả, bộ nhà ngươi nói hàng bánh gì hay sao muốn ăn chừng nào cũng đặng? Ngươi hãy nghe kệ đây:

**Tâm trống bụng đầy gọi là tu
Dồi lò sửa bếp ấy công-phu
Từ đáy bước lên đường vô-thượng
Công viên quả mãn trót mười thu**

Lục-Tổ liền kệ thêm ba bài nữa, chỉ cách công phu mười năm.

KỆ RẰNG

**Mười thu xa lánh chốn hồng trần
Sớm tối trao dồi cái sắc thân;
Phải vận châu thiên đều tức khí
Kíp toan hái thuốc dưỡng tinh thần.
Trở xe phong hỏa qua Bắc-Hải
Mức nước Liêm-tiền đặng nửa cân;
Vào lò bát quái mau đúc lại
Cho thành một vị thật chủ nhân.**

HỤU:

**Chủ nhân người ấy chẳng phải ai.
Vì phạm thiên cơ phải bị đày;
Nếu muốn trở về nơi Cực-Lạc,**

**Bảy ngày hái thuốc luyện Thánh-Thai
Mười tháng nuôi dưỡng công cực khổ
Ba năm bông ả chẳng rời tay;
Chờ có đơn thơ cùng chiếu triệu
Tiên hạc rước về cõi Thiên-Thai.**

HỮU:

**Thiên-Thai phong cảnh thật là xinh,
Hé cửa Thiên-Môn thấy lạnh mình
Trên đỉnh trời êm mây che phủ
Dưới chùa gió tạnh rất huyền minh
Tuyết xuống ngọt ngào đường cam lộ;
Hơi lên muôn trượng thấy mà kinh;
Bốn bề chiếu sáng xem không mới
Một điểm xung ra giữa Huỳnh-Đình.**

Lục-Tổ kể rồi nói: “Đó bắt từ chỗ một cho đến mười năm, phải làm theo trong mấy bài kệ đây như vậy mới đặng kết quả. Tu phải khó như vậy chớ nhà người nói thành Phật dễ lắm hay sao?”

Pháp-Đạt thưa: “Hồi nào đến giờ con tụng tụng kinh thành Phật, nên cứ việc tụng kinh hoài ai ngờ đến nay gặp Tôn-Sư dạy tu chỗ một, rồi đến chỗ dời lò sửa bếp, hái thuốc nấu đơn, mới thành Phật thì đệ tử mới biết việc làm là khó”.

Này Pháp-Đạt, Đạo có một nhưng mà hai chỗ một, để ta nhắc lại cho người nghe, chỗ một này là trước hết. Bên Cục-Lạc hồi chưa có trời đất chỉ có một vị Phật tên Vô. Nguyên Cổ-Phật, ông này thành Phật hồi chưa có trời đất, ngài luyện đặng hai mươi bốn hột minh châu hóa làm hai mươi bốn vị Đại-Giác Kim-Tiên; chùng có trời đất rồi ngài mới chia ra cho xuống phạm đặng lập đời Thượng-Cổ, đó là mấy vị Kim-Tiên giáng sanh. Vậy nên đời Thượng Cổ người người tâm tánh hiền lương, không làm việc dữ, nên không cần lập đạo. Đến sau cách mấy ngàn năm, đời càng ngày càng thanh, người càng ngày càng đông, mới sanh ra những việc không lành, cho nên phía Tây-Vực gọi là Hun-Nô, lập nhà chánh trị, bày những máy quét người, người thiệt là tàn bạo sanh linh, vì vậy mà đức Thái-Ất Hồng-Quan Đạo-Quân giáng sanh xưng hiệu là Lão-Tử. Khi ngài qua đến Tây-Vực, thấy cái máy giết người thì ngài lấy tay chỉ ra

một cái máy liền tan nát, nên người gọi là Cổ Tiên-sanh. Từ đó đến một ngàn năm sau Phật Thích-Ca ra đời lập đạo Phật tại Tây-Vực, rồi ngài truyền lại đặng 28 vị Tổ-Sư. Sau có đức Bồ-Đề Đạt-Ma Tổ-Sư đi qua Trung-Nguyên nhằm đời nhà Lương-Võ-Đế, ngài là Sơ-Tổ đem đạo Phật qua đất Trung-Nguyên lần đầu, truyền ra được năm người tới Ngũ-Tổ là thứ năm nên gọi là: “Nhứt Huê sanh Ngũ Diệp” ấy là một gốc mà sanh ra nhiều nhánh như vậy. Bây giờ đến ta đây là kỳ chót, người hãy nghe ta truyền đạo cho, người phải nhớ đừng có quên đạo ở trong mình của mình, chẳng phải ở đâu xa mà tầm; trong thân của mình, trên nê-hườn có một cái cầu kêu là: “Thượng-Thước-Kiều”. Nơi ấy có ống khóa chùng ngòi thất nhứt thể dương tinh, nếu có hái thuốc nấu đơn thì khóa nó lại, bằng để thuốc lọt ra ngoài ắt là nguy biết. Còn ở giữa mình của mình gần mé biển Bắc có một huyết gọi là huyết tổ-khí, chỗ này có một người con gái giữ cửa ải cầm khâu chìa khóa; phép mở ống khóa này phải vặn 16 lần thì cửa ải mới mở. Từ xưa đến nay người mà ra khỏi tam-giải cũng phải noi theo cửa ải này mà ra mới đặng. Hãy nghe bài kệ này:

**Muốn ra ba cõi chẳng khó chi,
Thần khí gom về chón huyết ni.
Mở khóa chờ cho trong hé cửa,
Ba nhà hiệp lại kết anh nhi.**

Lục-Tổ nói: “Từ đây ta truyền pháp bửu cho người còn Y-Bát ta không truyền được, vì Tôn-Sư ta là Ngũ-Tổ có nói: “Ta ra dạy đạo kỳ này đây mấy người phải ráng lo tu hành cho đặng Đạo rồi cũng tiêu diêu tự toại, chớ không ra dạy đạo nữa vì có một lần này là lần chót hết. Đến hai ngàn năm sau có một vị Tôn-giả ra đời dạy đạo”. Hãy nghe bài kệ này:

**Hèn lâu mới có đạo một lần.
Tứ chúng khá tua kíp ân-cần
Mau chơn bước đến đường vô thượng.
Chậm phải luân hồi khổ sắc thân.**

Pháp-Đạt lại hỏi: “Bạch Sư phụ đã dạy con từ thất nhứt đến thập ngoạt hoài thai, tam niên nhũ bộ làm sao con chưa hiểu rõ xin Tôn-Sư dạy kỹ con mới dám ngồi mà tu, nếu hiểu không rành lòng phải hồi-nghi thành ra tu hành trễ nãi”.

Lục-Tổ nói: “Thiệt phải vậy, hành đạo khó lắm, mình làm Tiên Phật đâu có dễ, người hãy nghe đây: nếu muốn luyện kim đơn phải ngồi bảy ngày gọi là thất nhứt thể dương linh, hái thuốc, nấu đơn đặng luyện thành kim-đơn. Cách luyện kim-đơn này thật là khó lắm, người tu đơn đến đây biết hạ thủ mà không biết hái thuốc, thì cũng không thành đơn; biết ngày phối hiệp mà không biết giờ nào thuốc lên, giờ nào thuốc xuống, cũng không thành đơn; nếu biết giờ thuốc lên hay xuống mà không biết cách nấu, để tới quá đúng cũng không đặng, còn chưa tới thì không thành đơn. Tu luyện kim đơn đến đây, phải học cho biết thời tiết ngày giờ, vậy phải biết câu: **“Dương Tinh Tùng Thanh, Nguyên Nhi Sanh, Tắc Thể Chi; Dương Tinh Tùng Trược, Nguyên Nhi Sanh, Tắc Khí Chi”**, phải biết thanh trược như vậy mới đặng. Thanh nghĩa là gì? Ấy là ban ngày không thấy sắc, tâm không mong tưởng mà ban đêm dương thận ngoại động, đó là đại đực phát sanh ấy là thanh-nguyên hãy mau ngồi dậy hái thuốc. Thuốc này là kim-đơn đại-đực phải dùng đại-châu-thiên, đem lửa hỏa-hậu lên mà nấu, bây giờ đây đã vào thất nhứt, không dùng lửa núi Nam, không dùng lửa hồi-quang phản chiếu, không dùng tiểu-châu-thiên, đến đây gom tam muội chơn hỏa đem vào lò nấu kim đơn mới đặng. Còn trược-nguyên là gì? Là ban ngày thấy sắc thì tâm vọng tưởng mà ban đêm dương thận ngoại động (tắc khí chi) thì bỏ; muốn bỏ phải làm sao? Là không phải lọt ra ngoài, mình phải đứng dậy làm như vậy, như vậy thì lược nó lại, cái nào trược theo con đường cốc đạo mà ra, còn cái nào thanh trở lại lỗ Liêm-tiên sẽ thành nước tân-dịch, là nước miếng sau mới trở lại bàng quan, chừng mình vận đại-châu-thiên nó lại thành nước cam lộ. Đó cách nấu thuốc như vậy. Đủ bảy ngày rồi sẽ vào nhập định, từ một ngày đến ba tháng thì hơi thở hồ hấp đều tức, thở nhỏ như sợi chỉ, thở tại huyết tề luân hư cảnh. Từ đó ngồi cho đến bốn năm tháng, thì khí hồ hấp nó như cái ngươn thần tịch chiếu. Đến đây hết ăn; chỗ này đạo gọi là diệt định. Bây giờ cái ngươn thần nhờ phần ngươn khí bồi dưỡng thành ra dương-minh, đã đầy đủ thì làm cho mình không buồn ngủ nữa. Đó là chúng quả chơn không.

Đến đây hơi thở ngưng, hết ăn hết ngủ thì mới kiết thánh thai, phải giữ đến sáu bảy tháng, ngày đêm mờ mịch yếu yếu minh minh, đến

tám chín tháng trăm mạch đều ngưng, tới đây máu trắng, chỗ này là: **“Phế Âm Thủ Dương”**, giữ như vậy cho đủ mười tháng thì được thông dương thân qui đại định. Lúc bấy giờ tâm đặng phát hiện ra ngoài đều biết lục thông: “Thiên Nhân Thông, Thiên Nhĩ Thông, Tha Tâm Thông, Mạng Túc Thông, Lậu Tận Thông, Thần Cảnh Thông”. Lúc ấy đều thông các việc ngoài mình, những việc dĩ vãng dọi lai đều biết, đó là thập ngoạt hoài thai; người tu phải nhớ, phải can đảm không nên nhút-nhát và không đặng ép mình, để tự nhiên như vậy; chừng nào hết ăn, không ngủ thì thôi, nếu không ăn thì đừng sợ còn không ngủ thì đừng lo. Hễ người làm đạo đến đây nó đổi cái cảnh phạm hiện cảnh Phật ra, vì là Phật phạm khác nhau. Hễ ông Phật, ông Tiên thì không ăn không ngủ, còn ngủ đó là chúng sanh người tu đơn đến đây nếu thấy không ăn mau đi hốt thuốc về uống cho ăn lại thời thôi đừng có tu. Tu mà sợ chết mà tu cái gì? Hãy nghe bài kệ đây:

**Bảy ngày hiệp đủ đại châu thiên
Giờ khắc không ngưng phải vận liên
Dương quan nhị hiện thân thông khí,
Nội cảnh yếu điều kiết thai tiên.**

HỤU:

**Thai tiên mười tháng chớ để liền,
Đại định yêm liêm tịnh tự nhiên,
Ngồi đứng dường nuôi công cực khổ
Ba năm đời hăng thượng đơn điền.**

HỤU:

**Đơn điền mở cửa thấy Thiên-Môn,
Thủng thẳng ra vào chớ bồn chôn.
Xuất định chẳng cho ngoài thế-giái
Nhập vào phải ở giữa càn-khôn.**

Lục-Tổ nói: “Đó là thập ngoạt hoài thai, tam niên nữ bộ. Bắt đầu ngồi đến chín năm, là cửu niên diện bích tu đến đây khỏi luân hồi đặng hưởng đời đời tự tại”. Hãy nghe bài kệ này:

**Chín năm mắt ngó chẳng luân tròn,
Thần khí gom về ở giữa trong;
Mở ngọn tâm đặng chờ gió tón,
Đẹp đường xa lộ đã gần xong.**

HỮU:

**Gần xong đạo cả sẽ lên đường,
Âm khí tiêu mòn đã thống dương;
Mở cửa thiên-môn châu kim-khuyết,
Từ đây về tới chốn quê hương**

Lục-Tổ kể rồi lại nói: “Đó là cửu niên diện bích nay ta truyền hết cho ngươi, hãy lo mà tu hành”.

Pháp-Đạt quì lạy tạ ơn rồi trở ra kiếm chỗ ở mà tu. Từ đây không lo việc tụng kinh cúng dường nữa.

Nói về Lục-Tổ đương thuyết pháp cho tứ chúng nghe, có tên tăng Pháp-Hải ở quận Thiều-Châu người ở đất Khúc-Giang, nghe đồn Lục-tổ dạy đạo tại chùa Bửu-Lâm nên đến ra mắt ngài mà hỏi:

“**Tâm Tức Phật Nguyện Thi Chỉ Du**”, xin Tôn-Sư dạy bảo vì có nơi nào mỗi đơn kinh đều nói Tâm tức Phật, Phật tức tâm, mà đệ tử chưa thấy một ai làm Phật tức tâm, chớ đệ tử chỉ thấy các nhà tu hành, đều làm Phật tức miệng, ấy là mỗi khi niệm thì nói: “Mô, Phật”. Như vậy là Phật tức miệng, làm sao tức tâm được. Xin Tôn-Sư dạy bảo”.

Lục-Tổ trả lời rằng: “Lành thay lành thay, thiệt ngươi hỏi phải lắm, bị như vậy mà xưa nay không có ông Phật nào là Phật mới, tính những Phật cũ không, vì tại làm sao ngươi biết không? Cũng tại chữ tụng chữ niệm không phân. Tụng là gì? Niệm làm sao? Ngươi có nghe lời của Đức Thế Tôn nói như vậy hay không: “Này tứ chúng, ai muốn làm như ta, khỏi tầm ở đâu cho mất công. Phật ở lòng người. Tứ chúng cứ dờ trên mặt sách mà tầm hay lên núi mà kiếm thì không bao giờ thấy Phật đặng. Trong kinh Pháp-Hoa có nói: “Niệm Niệm Bất Ly Tâm”, đó thấy chưa, ngươi hãy nghe ta giải nghĩa chữ tụng chữ niệm phân minh; rồi sẽ giải nghĩa chữ tâm luôn thể. Chữ tụng nghĩa là học, chữ tụng thì chữ ngôn bằng khẩu mé ở trên chữ tụng là dùng ở dưới đó là dùng lời nói ở ngoài miệng, để học cho mau thuộc, chớ nó không dính trong tâm chút nào. Biết chữ tụng hay chưa? Còn chữ niệm chẳng phải nói làm thầm gọi là niệm, mà cũng chẳng phải miệng nhóp nhép gọi là niệm, không nhầm không trùng đâu! Chữ niệm như vậy: “nhơn ở trên, nhị là hai ở dưới, có một sở ngay xuống chữ tâm, đó là Âm Dương Hiệp Nhứt”, một sở ngay xuống chữ tâm, cái sở đó là con

đường đạo tâm. Hễ người tu đơn đến đây mới biết người có hai tâm là: Nhơn Tâm, Đạo Tâm. Một cái nhơn tâm và một đường Đạo tâm. Trong Đại-Bồ Khuyết Tâm Kinh có câu: “Cổ Tâm Vô Khoái Ngại” là chỗ này. Lại có câu “Nhơn Tâm Dĩ Quá: Đạo Tâm Thường Tôn, Tự Nhiên Vô Khoái Vô Ngại” phàm người tu hành phải làm cho cái nhơn tâm tử, thì con đường Đạo-tâm bằng còn; như vậy thì tự nhiên vô khoái vô ngại đó. Cho nên trong Đạo Đức Kinh có câu “Giáo Nhơn Khử Nhơn Tâm. Nhi Thủ Đạo Tâm”, hễ người tu hành phải bỏ cái nhơn tâm, tu mới đặng. Vậy phải làm sao mà bỏ, nghĩa là phải bỏ cái tâm háo sắc, tham muốn sân si, tà dâm, vọng tưởng và các tướng, đó là bỏ cái nhơn tâm” như vậy. “Nhi Thủ Đạo tâm” là giữ con đường đạo tâm; nếu muốn giữ con đường đạo tâm thì phải dọn cho nó sáng suốt, rồi phải thêm dầu cho tâm đặng phát hiện ra ngoài, chỗ này gọi là: “Thất Năng Sanh Huệ” tới đây còn lo chi mà không đặng thành tựu. Trong Chơn-Giải có câu: “Thế Nhơn Chỉ Tri Hậu Thiên, Nhi Bất Minh Tiên Thiên” Ôi!! Người đời chỉ biết hậu thiên, mà chẳng biết được phần tiên thiên; lại chẳng hiểu cái nào khinh, cái nào trọng, hễ gặp thì dùng, không biết món nào quý, món nào không quý, bị như vậy rồi cứ lẫn lộn trong con đường lục đạo không dứt. “**CHỈ TRI NHON TÂM NHI BẤT MINH ĐẠO TÂM**”. Nghĩa là: Chỉ biết cái nhơn tâm mà không sáng con đường đạo tâm, vì vậy mới lẫn lộn hợp cõi diêm-phù đời đời kiếp kiếp. Nên có câu: “Thù Bất Tri Nhơn Tâm, Địa Giải Bất Nhứt Các Cư Nhứt Phương” nghĩa là: Chín chẳng biết cái nhơn tâm cùng cái đạo tâm, không phải một chỗ ở, chia ra làm hai phương. “Nhơn Tâm Cư Ngũ Tạng Chi Hạ” cái nhơn tâm ở dưới ngũ tạng, vì vậy mà hay nhiễm việc thế tục hay mê lẫn việc công danh, vui theo biển sanh tử. Còn “Đạo Tâm Sở Cư Linh Đài Chí Trung”: Con đường đạo tâm lại ở trong huyết linh đài trọn vẹn mà sáng mờ mờ mịch mịch yếu yếu minh minh. Con đường đạo tâm này, nhơn hồi buổi đầu còn ở trong bụng mẹ, mình nương theo mà thở, khi đủ mười tháng nghe nổ một tiếng minh theo đó mà ra thì khí tiên thiên đã thấu, lại tiếp khí hậu thiên. Bây giờ theo chỗ gần là gần khí hậu thiên, mà từ chỗ xa là xa khí tiên-thiên, không đặng cùng thái-hư đồng thể mà hưởng vô cùng vô tận. Bây giờ đây mình phải tu đặng đem khí tiên thiên trở về đôi khí hậu thiên, mà thành một khí hỗn-nguyên chơn-nhứt; làm như vậy ta

mới trọn vẹn một khí hư vô, đồng thái hư một vóc. Trong Đại Bồ Khuyết Tâm-Kinh có câu: “Thị Đại Thần Chú Thị Vô Đẳng Đẳng Chú”, câu này có đáng tụng hay không?? Câu này là “Phi Thánh Thần Bí Ngữ Chi Chú”, vì câu chú này không phải câu chú của ông thần ông thánh đâu mà tụng. Câu này là nguyên hồi Đức Ngươn-Thị Thiên-Vương sanh ra trước khi có trời đất, ngài thấy đời Thượng-Cổ người chưa có nhiều nên ngài mới hóa thân là hóa cái ngươn thần cho xuống đầu thai nhưng bị lạc về hậu-thiên, bị “Khí Bẩm Sở Câu, Nhơn Dục Sở Tế”, nó che lấp cái bản tánh hồi buổi đầu làm cho con người phải chịu sanh sanh hóa hóa đời đời kiếp kiếp. Đó là câu “Thị Đại Thần Chú” Nay mình muốn trở nên một vị vô sanh, thì phải tu đặng đem cái ngươn thần trở về tiên-thiên đặng giải thoát, không trở lại cõi nhơn-đô này nữa. Thôi hãy nghe bài kệ đây:

**Bổn tánh Bồ-Đề tức đạo tâm,
Hà tất xu xu hướng ngoại tâm,
Nếu đặng chơn truyền cùng khẩu khuyết
Một lời biết niệm mở đạo tâm.**

Lục-Tổ nói: “Đó là tâm tức Phật, đâu có chi lạ. Có câu: “Tiền Niệm Bất Sanh Tức Tâm”, nghĩa là: mới khởi đầu câu niệm mà chẳng sanh ấy là tâm: “Hậu Niệm Bất Diệt Tức Phật”, nghĩa là: mình niệm không dứt câu niệm tại con đường đạo tâm ấy là Phật. “Thành Nhưt Thiết Chư Tướng Tức Tâm, Ly Nhưt Thiết Chư Tướng Tức Phật”, nghĩa là: cả thấy các tướng sanh ra đều tại tâm, lià đặng các tướng ấy là Phật”. (Các tướng là thanh âm sắc tướng).

Khi Lục-Tổ nói đến đây thì Pháp-Hải lại hỏi: “Bạch Tôn-Sư đã giải nghĩa tức tâm, tức Phật thiệt là có lý lắm. Xin Tôn-Sư dạy cách hành đạo làm sao cho thành tâm tức Phật, xưa nay cái nói thì có, còn cái hành đạo thì không, vì vậy mới là không thành Phật. Nay con xin Sư-Phụ chỉ chỗ nào gọi là: “Phi Mao Tùng Thủ Đắc”, làm sao xé chữ mao mà theo ấy đặng? Làm Phật tại chữ mao hay là làm sao??

Lục-Tổ nói rằng: “Thằng này dốt quá, nguoi thiệt là cố chấp, này chữ mao nó giống chữ tâm, chữ mao có một phết ở trên đầu uống câu, lấy hai ngón giữa làm hai chấm thì thành chữ tâm. Đó làm Phật tại tâm chớ chi đâu mà cố chấp nữa. Này Pháp-Hải nguoi hãy nghe

ta chỉ chỗ hành đạo như vậy mới là tức tâm: bắt đây là đầu đây là đuôi, đây là tâm. Tâm là Phật biết không. Niệm như vậy thì nó trúng con đường đạo tâm, ngòi khom đầu một chút, cho nó mở trống con đường tào-khê rồi niệm như vậy ... như vậy ..., hãy nghe bài kệ dưới đây:

**Tu hành cần phải dưỡng đạo tâm,
Chớ tính đâu xa nhọc sức tâm,
Trước tập tham thiền ngòi đại định
Đốt vào cho trúng chỗ đạo tâm.**

Đó, làm như vậy mới là tức tâm. Chỗ này là cửa đạo đây là đầu chỗ pháp môn, người mới vô tu phải tu từ chỗ này trước. Chỗ này là một thừa, ấy là sơ thiên. Hễ người muốn tu mà làm Phật làm Tiên phải vào đến bực tam thừa mới có ngày kết quả.

Pháp-Hải hỏi: “Bạch Tôn-Sư, chỉ cách hành đạo như vậy nghe thì phải, nếu mình dọn con đường đạo tâm theo chỗ Tôn-Sư dạy, khi mình sửa dọn đã trống, nhưng Phật không tức tâm, không có ông Phật tại tâm, rồi mình bắt thường ai bây giờ?”

Lục Tổ liền cười ngất mà nói rằng: “Thiệt là chấp mê quá. Này Pháp-Hải nguoi biết ông Phật là ai không? Ông Phật là giác. Nguoi biết chúng sanh là ai không? Chúng sanh là mê, hễ “Giác Giả Phật Mê Giả Chúng Sanh” Đó hai chữ “Giác Mê” mà thôi. Ta đây đã lấy bổn tánh Như-Lai mà thuyết pháp cho nhà nguoi nghe, sao nhà nguoi còn chấp mê hoài? Trong Niết-Bàn-Kinh có câu:” Tâm Tự Vô Tâm Phật, Hà Xứ Cầu Chơn Phật” là như cái bổn tâm mình không phải tâm Phật thì chỗ nào mà người ta cầu Đặng chơn Phật? Nguoi không nghe kinh thơ nói hay sao “Nhứt Kim Thành Vạn Khí, Vạn Khí Tổng Lai Kim” nghĩa là: Một cục vàng nguoi muốn làm một muôn món đồ cũng đặng, trong một muôn món đồ đó cũng đều bằng vàng; nếu không phải vàng lấy chi mà làm muôn món đồ đó vậy. Cho nên cái sắc thân của con người đây đặng làm Phật, Thánh, Tiên cùng là quan dân cũng đều tại cái tâm cả thấy. Vậy nguoi nghe bài kệ đây:

**Các việc hư nên bởi lòng ta,
Phật, Tiên, Thần, Thánh có đâu xa
Lấy đức soi vào trong hang tối,
Dưới cội Bồ Đề thấy Thích-Ca.**

Lục-Tổ lại nói: “Thủy Lưu Nguyên Tai Hải, Nguyệt Lạc Bất Ly Thiên”, nghĩa là: nước tuy chảy ra nhiều nguồn, nhiều rãnh cũng đều về biển, mặt trăng tuy lặn há lia trời đặng hay sao?”

Pháp-Hải nghe Lục-Tổ nói có lý phát đại ngộ nên quì lạy Tôn-Sư đưng chấp: “Bây giờ đây con hết lòng hồ nghi nữa, xin Sư Phụ cho con lên non ở tu hành vì con ở đây không có ngày giờ rảnh mà tu, thành ra một ngày qua một ngày mang tiếng tu hành mà không đặng giải thoát, uổng công vô ích”.

Lục-Tổ nghe vậy cười mà nói rằng: “Đạo Tồn Khởi Ngai Cư Sơn Cốc, Tâm Tịnh Hà Phòng Cận Thị Thành” nghĩa là: người tu hành chẳng phải lên non núi mà tu mới đặng, chỉ tại ngộ đạo, ngộ minh sư, chớ không cần ở núi. Tâm tịnh là con đường đạo tâm nó đặng thanh tịnh rồi nào sợ gì ở chốn thị thành mà tu không đặng. Phàm người tu hành chẳng phải lên núi mới tu, ở thế tu không đặng hay sao? Hễ người tu là tâm tu chẳng phải núi tu, bày đặt mang gói lên núi, ít ngày tuột xuống, cũng xưng mình là thầy tu núi mới về. Nay Pháp-Hải “Tác Phật Dụng Phật-Tánh Tác Chúng Sanh Dụng Chúng-Sanh Tánh” nghĩa là: Làm Phật phải dùng tánh ông Phật, còn làm chúng-sanh phải dùng theo tánh chúng-sanh”.

Pháp-Hải nghe Lục-Tổ nói một hồi, mới yên lòng ở lại chùa mà tu. Người này sau làm chương-tử cho Lục-Tổ, ngài tu đến sau cũng thành một vị Viên giác.

Bây giờ đây Lục-Tổ thuyết pháp cho tứ chúng nghe ngài nhắc lại hồi thuở mới đi tu, nhiều việc khổ ách, đã mấy phen Thần-Tứ sai người theo mà giết, thật là cái hạnh người tu hành phải vậy, phải chịu cho trăm cay ngàn đắng mà không dời đổi tâm chí mới đặng vì sắc thân của người đây là chúng-sanh, mà mình muốn làm cho đặng một vị pháp thân mình phải đòi mài trau chùi nó lại gọi là tu, chớ tu mà không cho nó khổ hạnh, tu mà không dám sửa cái sắc thân, cứ bo bo nuôi cho nó ú mập, cho nó ăn cho no, để nó ngủ cho kỹ, vậy mà tu cái gì? Tu như vậy, dầu có tu muôn năm cũng không ích. Trước mắt đây coi ngoài con đường đời hễ người nào hỏi nhỏ đi học mà vì cái mình của mình mà học thời nên, còn vì bạn mà học thời hư. Tu cũng vậy mình tu đây là mình vì cái sắc thân của mình, nó hay đau hay già, hay chết, vì vậy mới đi tu; tu đặng giải thoát, đặng thành một vị vô-sanh bất diệt, đó là tu. Cái này tu làm sao, vì

những việc thế lợi vì những việc tu đồng đi theo mà tu vậy mà thành cái gì? Tu là sửa mình của mình, mình không sửa nó mà mình mượn người sửa cho mình, trông gì thành cho đặng! Nay tứ chúng từ xưa đến nay có thấy ông Phật nào đi tu mà rủ người ta theo cho đồng hay không? Nhưng người tu phải tầm chỗ thanh tịnh mà ngồi, thì đạo trong mình mới phát sanh ra, cho nên nói đạo là nghi tịnh, hễ tịnh mới thấy đạo, chớ đạo ở đâu một lần qui tới năm sáu chục người đó cầu vui chớ trông gì thành Phật. Hãy nghe bài kệ đây:

Dốc tới BỒ-ĐỀ trước khổ tâm
Ngàn dặm xa-xôi khó cũng tầm
Xuống biển kiếm vàng nào sợ nhọc;
Lên non hái thuốc dưỡng đạo tâm.

Lục-Tổ kể rồi, có người ở đất Tín-Châu tên Trí Thường nghe đồn Lục-Tổ dạy đạo đến mà học, khi vào ra mắt ngài nhằm lúc ngài đương thuyết pháp, Lục-Tổ kêu tứ chúng mà nói “Này chư vị có biết làm sao, trong tam giáo xưa nay đều lập cửa đạo dạy cho người đặng học làm Thánh, làm Tiên, sao mà không thấy một người thành chư vị có biết không? Như đạo Khổng-Tử nói: “Nhơn Nhơn Khả Dĩ Thánh Hiền” đạo Thích nói: “Phật Giữ Chúng Sanh Đồng” đạo Lão nói: “Tiên Nhơn Đồng Nhứt Thế”. Đó Tam-Giáo nói người đều đặng làm Phật, làm Tiên nhưng mình đây muốn làm Phật, Thánh, Tiên phải tầm sư học đạo, học cho đủ tam thừa rồi ngồi tu cho đến tối thượng nhứt thừa mới đặng làm Phật. Ấy lời Phật nói như vậy nhưng mà mình cũng có tầm sư học đạo thật, có học lều láo năm ba con số mà ông thầy chưa phân thế, rồi mau trở về làm thầy đạo, thành ra: “Manh Dẫn Quần Manh” là thầy đui dẫn học trò mù, làm chi thành Phật cho đặng! Cũng có thành là thành một đám lạc đường chớ thành con người cũng không đặng nữa. Muốn thành con người trở lại, phải sửa tâm tánh cho biết quân, sư, phụ. Giữ cho trọn bốn phận làm người thì mới đặng làm người, bằng không biết vua, thầy, cha, thời thành ra loài súc vật, làm người sao đặng? Đó là hạng làm người, còn hạng làm Tiên làm Phật khó lắm. Tứ chúng biết Phật, Thánh, Tiên ra thế nào chưa? Hạng người muốn làm Thánh làm Tiên trước phải làm người cho tròn bốn phận rồi mới bước đến cửa Phật nhà Tiên; người ấy phải có đức hạnh đầy đủ lại thêm từ bi bác ái không sót một điều nào, mới đặng làm Phật, làm

Thánh, làm Tiên, chớ có đâu dễ, tưởng đâu những hạng bội quân, phản thầy thành Phật đặng hay sao mà ức, làm người không rồi thành Phật sao đặng? Hãy nghe bài kệ này:

**Thánh, Phàm, Tiên, Phật chẳng khác nào,
Tâm tánh hiền lành bước đến mau;
Nửa tiếng bội sư cùng phản đạo,
Ngàn năm như cá ở trong ao.**

Tăng Trí-Thường nghe kệ rồi bèn ra mắt Tôn-Sư xin ngài mở lòng từ bi dạy đệ tử câu: “Phật Thuyết Tam Thừa, Hựu Ngôn Tồi Thượng Thừa” đệ tử chưa hiểu nghĩa.

Lục-Tổ nói: “Pháp Vô Tứ Thừa, Nhơn Tâm Hữu Sai Đẳng”, nghĩa là phép không có bốn thừa vì tại lòng người hay dòi dỏ không chừng, phải phân làm bốn thừa đặng chọn tâm chí người, nếu không vậy thượng hạ nan phân, biết đâu là cao thấp, ý là Phật ngài biết trước phân làm bốn thừa như vậy mà còn tranh luận hơn thua; còn phải để một thừa thì ai làm thấy ai đặng? Ấy đã phân ra bốn thừa mà còn chưa biết mình là ai, lại cũng chưa biết mình là đủ hay thiếu. Nay Trí Thường, để ta giải nghĩa tứ thừa cho mà nghe. “Kiến Văn Chuyên Tụng Thị Tiêu Thừa” nghĩa là: Thấy chữ mà tụng ấy là bực tiêu thừa. Bực này chưa có vào cửa pháp môn, chưa có dính vô trong con đường đạo chút nào; nếu có làm cho trọn lành, trọn phải thì bất quá: “Chuyên Thế Nhi Hưởng Hồng Phước” Đó mà thôi. “Ngộ Pháp Giải Nghĩa Thị Trung Thừa”, còn biết chữ mà giải nghĩa kinh giải nghĩa sách ấy là bực trung thừa. Bực này để giải cho người để học để biết lời kinh lời sách nói, chớ cửa pháp môn, cũng chưa vào đặng. Nếu có làm lành thời cũng đặng chuyển thế nhi hưởng hồng phước mà thôi. “Y Pháp Tu Hành, Thị Đại Thừa” nương phép tu hành, bực này là bực đại thừa. Nếu đặng cái chánh pháp lo công phu đầy đủ, luyện thân luyện hình cho đặng thì mới vào bực tối thượng nhứt thừa, mới thành Tiên thành Phật. Không vậy còn làm bực đại-thừa, mà không luyện thân, luyện hình bất quá làm thanh linh thiện-hóa chi qui, sánh bực Tiên Phật thì còn xa lắm. “Vạn Pháp Tận Thông Nhứt Thiết Bất Nhiễm Ly Chư Tướng Pháp, Nhứt Vô Sở Đắc Danh Vi Tồi Thượng Thừa”, nghĩa là: muôn pháp đều thông cả thấy, các việc không nhiễm lìa đặng các tướng (thình âm sắc tướng) đó là bực tối thượng nhứt thừa. Bực này là bực Phật

không còn luân-hồi nữa. Trong Ký-Tể kinh có câu: “Cổ Học Tiên Phật Chi Lư, Nhược Độc Dĩ Luyện Hình Vi, Diệu, Bất Trì Luyện Thân Vi Yêu, Sở Vọi Thanh Linh Thiện Hóa Chi Qui Hà Khả Giữ Cao Tiên Cao Phật Tỹ Chi” nghĩa là: người muốn học làm Tiên làm Phật trước hết phải luyện thân và hình, đó là căn bản của nhà Phật; nếu thân hình không luyện, dầu có cần tu đi nữa cũng làm bực thanh linh thiện hóa chi qui sánh với bực Phật Tiên còn xa lắm. Phàm người tu hành phải học kinh sách cho biết đó thôi, rồi phải công phu luyện kỹ, luyện cho xuất thân, làm cho thân ra ngoài mình, nghĩa là xuất định, nhập định, phải làm cho thân ngoại hữu thân. Chỗ đó là Phật, chẳng phải tụng kinh giải nghĩa thành Phật đặng đâu. Phải dễ như vậy Phật mới thiếu gì. Phàm người tu hành phải biết chữ tu, mà tu cũng thành Phật đợc. Hãy nghe bài kệ đây:

**Chữ tu rèn tập luyện nên hình,
Phải ả non cao dưỡng tánh tình;
Muốn đặng vàng ròng lẫn đáy biển,
Há cần phép báu với phù linh.**

Lục-Tổ lại nói: “Đó là tối thượng nhứt thừa, ta đã giải nghĩa như vậy. Người tu hành chẳng phải vì ba bực đó mới thành Phật, thành là tại tâm chí chẳng phải tại bực tam thừa đó mà tranh luận. Người mà tâm chí không có dầu có học hai chục thừa cũng không ích gì”.

Lục-Tổ nói đến đây rồi bãi tứ chúng trở lại hậu đường mà nghỉ.

Đây nói về nhà Đường hiệu Thần-Long ngưng niên, chánh-ngoạt thập-ngũ nhựt Võ Tắc-Thiên Hoàng-Đế truyền chỉ cho tỉnh Huệ-Năng, Thần-Tú nhị vị thiên-sư vào đến cung đường thuyết-pháp. Khi Thần-Tú đặng chiếu liền cáo bệnh không đi lại chỉ sứ bảo: “Qua rước Huệ-Năng ở phía Nam; người này đặng lời bí pháp và đặng y-bát của Ngũ Tổ truyền, người hãy qua đó mà rước”. Tuyết-Giang thấy Thần-Tú không khứng đi nên trở qua chùa Bửu-Lâm-Tự ra mắt Lục-Tổ, Ngài thấy chiếu cũng cáo bệnh không đi, và làm sớ hỏi trào xin vua cho phép trọn đời ở chốn lục lâm mà tu hành. Tuyết-Giang nói: “Tôi trộm nghe mấy vị thiên sư nói: “Dục Đắc Hội Đạo Tất Tu Tọa Thiên Tập Định, Nhược Bất Nhơn Tọa Thiên Tập Định, Nhi Đất Giải Thoát Giã, Vọi Chi Hữu Giã?” Nghĩa là: Hễ người tu muốn cho hội đạo, phải tập tọa thiên nhập định, mà cầu cho giải thoát, chưa chun có vậy phải không, xin Tôn-Sư dạy bảo?”

Lục-Tổ nói: “Đạo Do Tâm Ngộ, Khởi Tại Tham Thiên” đạo là tại tâm ngộ há tại tham thiên hay sao? Nếu muốn tham thiên thì trước phải ngộ đạo và đặng lời tương truyền rồi ngồi tham thiên mới được bằng không ngộ đạo mà ngồi tham thiên thì ngồi ngủ gục mà chơi cho môi cổ mỗi lưng chớ có ích gì. Có câu: “Đạo Tại Kỳ Bất Cầu Tha Đất” nghĩa là: Đạo tại trong mình của mình chẳng phải ở đâu mà đi kiếm; phạm người tu phải tập tham thiên nhập định trong đó có bốn bực: Hành, Trụ, Toạ, Ngọa cho đủ phép: Đi, Đứng, Nằm, Ngồi. Phép tu thì không có giờ khắc nào lia đạo, nên có câu: “Niệm Niệm Vô Đan”, đó là tu chẳng phải tọa thiền mới hội đạo, còn mấy giờ không tọa thiền thì để cái tâm làm chi mà không hội đạo? Người nghe trong kinh Kim-Cang có câu: “Nhược Ngôn Như-Lai, Nhược Tọa Nhược Ngọa” Lời nói đức Như-Lai, bằng ngồi thiền, nằm thiền lại nói vô sanh vô diệt. Thị Như-Lai Thanh Tịnh Thiền Chư Pháp Vô Tịch, Thị Như-Lai Thanh Tịnh Tọa” Đó là tọa thiền tập định, chỗ đó là đầu bài, chỗ làm Phật làm Tiên. Chữ tọa thiền là thanh tịnh tọa, thanh tịnh thiền như đức Như-Lai mới gọi là tọa thiền, tập định chớ thiền định ở đâu giữa ngoài phiên ba mà gọi là định; định cái gì mà bày đặt cho mang tiếng ông Phật. Đó là tà định; cái mặt làm bộ định, cái miệng nói định, còn cái tâm nó đánh đùng đùng mà định sao đặng”.

Tuyết-Giang nghe Lục-Tổ nói một hồi lại bạch rằng: “Đệ-tử đến rước Tôn-Sư, nay Tôn-Sư không đi, đệ-tử phải trở về trào, nếu Lịnh Muôn Năm có hỏi, đệ-tử chẳng biết lấy chi mà dạy trong cung và thuyết pháp cho Hoàng Đế nghe. Xin Tôn-Sư dạy đệ-tử học đạo cũng như Tôn-Sư cho đệ-tử một cây đèn đem về đốt ra đặng muôn ngàn cây, thì sáng biết là đường nào”.

Lục-Tổ nói: “Đạo Vô Minh Âm, đạo mà sáng tới gì!”

Tuyết-Giang lại hỏi: “Bạch Tôn-Sư, đệ-tử có thấy mỗi đơn kinh đều có nói muốn tu thành Phật thì dễ lắm mà tại làm sao xưa nay những người tu hành thì nhiều mà không thấy một ai thành Phật? Nói như vậy có đáng tin kinh sách hay không?”

Lục-Tổ nói: “Tu làm sao mà dễ, lấy cái gì làm tín?”

Tuyết-Giang thưa rằng: “Trong Quy-Ngươn có câu: Nhứt Cú Di-Đà Vô Biệt Niệm, Bất Lao Đàn Chi Đáo Tây Phương” Đó nói như vậy mà không dễ còn chỗ nào dễ hơn? Như vậy hề người tu niệm

một câu Nam-Mô A Di-Đà móng tay cũng về đến Tây-Phương, vì làm sao tôi thấy chẳng nhọc khải nhiều người niệm Nam-Mô A-Di-Đà Phật đến chết mà thôi không thấy ai đi về Tây-Phương một lần coi thử? Trong kinh nói như vậy có đáng tin hay không?”

Lục-Tổ nói: “Người dốt quá”, “Thánh Ý U Thâm Phạm Tâm Nan Trắc”, nghĩa là: Ý của ông Thánh cao xa bực phạm tâm lường sao được. Nay Tuyết-Giang người không có biết người đời chấp mê lắm, vì hề biết ba chữ tụng kinh đọc sách thì chấp kinh chấp sách, nghe nói thì tin, không xét phải quấy; hề nghe nói dễ xúm nhau đi niệm, không biết chữ niệm là gì cũng làm bướng, cứ niệm Nam-Mô Phật Nam-Mô Phật, niệm như vậy có ích gì không? Thiệt dốt quá vậy mà xưng là vương sứ, có qui sứ thì phải, chớ vương-sứ đâu mà dốt như vậy. Nay Tuyết-Giang câu: nhứt cú Di-Đà không phải câu Nam-Mô A-Di-Đà đâu. Câu đó là khi ông Di-Đà thành Phật rồi, nên mới có câu Nam-Mô A-Di-Đà Phật. Nếu mình muốn niệm câu đó, phải biết ông Di-Đà là ai? Ông cũng là phạm tục như mình, rồi ông làm sao thành Phật, là vì ông ngộ thấy đời: sanh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, rồi luân hồi cũng khổ, vì vậy nên ông lánh mình đi tu cho khỏi tứ khổ. Đó là Đức Di-Đà mới ra đi tu đặng tránh sự chết, đặng cho bất sanh bất diệt; còn thầy tu đời nay, tu thì trông cho mau chết, vậy thì khác hẳn với ông Phật, tu mà không cầu cho giải thoát thì tu cái gì? Nay Tuyết-Giang, người muốn tu mà đặng thành Phật như ông A-Di-Đà, sống cho đặng vô lượng thọ, thì phải tu theo cách của ngài. (Chỗ này đọc giả thấy không? Ông A-Di-Đà sống vô lượng thọ, đó là bất tử, để đọc-giả nghe nói tu không chết rồi cho rằng không có, vậy chớ chữ bất sanh bất diệt là gì? Tu mà không biết chữ bất sanh bất diệt thì đừng tu, hề nghe nói tu không chết thì đọc giả không đủ tin, coi như ông Phật A-Di-Đà đó sức ngài sống là bao nhiêu? Đọc sách mà không biết nghĩa, hề không tu thì thôi, còn tu lại hỏi cho mau chết đặng thành ma, chớ làm gì thành Phật. Đọc-giả thấy xưa nay có đám ma ông Phật hay không? Đâu có! Có là có đám ma Hòa-Thượng thì tức nhiên Hòa-Thượng thành ma rồi, như vậy thì khác hẳn với ông Phật. Đọc giả thấy ông Phật chết không? Ngài có chết là chết cái sắc thân của ngài, vì ngài đã có luyện sẵn một cái Kim-thân, ngài làm thân ngoại hữu thân, khi đến ngày có đơn thơ lai triệu thì ngài bỏ cái sắc thân: ngài biết

trước được đôi ba tháng, ngày mảy, giờ mảy, ngài sẽ tịch diệt. Đến giờ ngài tịch diệt thì hào quang chiếu sáng khắp trời, mây lành muôn đạo. Ngày tịch diệt của ngài đều khác hẳn với người phạm-tục, như vậy mới là thành Phật, đó gọi là bất diệt bất sanh). Tu làm sao đau rước thầy uống thuốc, uống đến tắc hơi mà chết không trở được một tiếng, rồi cũng nói vãng sanh thiệt là chấp mê quá. Bây giờ đây ai muốn tu cho thành Phật như ông A-Di-Đà thì phải biết câu hỏi ông mới đi tu, ông niệm là sao mà thành Phật, thì phải niệm cho đúng câu ông niệm đó, chẳng nhọc khảy móng tay cũng về tới Tây Phương. Lời kinh sách nói kỹ như vậy, cũng vì cái bệnh cố chấp của người, không cần tầm minh-sur mà học hỏi, ý mình biết coi sách làm bướng giải đũa, rồi trở lại mà chê sách không nhằm, chẳng ngờ sách nói một nơi mình làm một ngã, biểu nhằm sao đặng? Còn câu: “Vô Biệt Niệm”, chữ vô biệt là ngày đêm không phân giờ, khắc nào cũng không lìa, chẳng nhọc khảy móng tay cũng về đến Tây Phương. Còn niệm Nam-Mô A-Di-Đà Phật, câu này là đức A-Di-Đà đã thành Phật rồi, khi ngài đắc đạo tính trở lại phổ độ chúng sanh; lúc ngài thuyết pháp nói kinh thì ngài nói những việc dĩ-vãng dợi-lai hay lắm; vì ngài đã đặng lục thông, ngài nói đâu thì có đó, nên thiên hạ đồn ông A-Di-Đà đã thành Phật người người đều đến, kẻ thì xin quy-y, người lại xin học đạo, vì vậy mới có tiếng Nam-Mô Phật. Tiếng ấy là của Tây-Vức, Tàu giải nghĩa là qui-y. “Phật” là tiếng Tây-Vức, Tàu giải nghĩa là: “Thánh Nhơn” Mới có câu Nam-Mô A-Di-Đà Phật, là tôi qui-y với ông A-Di-Đà. Nay mình nói lại như vậy có ích cho mình chút nào không? Lại bày đặt nói niệm câu Nam-Mô A-Di-Đà Phật chẳng nhọc khảy móng tay cũng về Tây-Phương, niệm cho đến chết thì về dưới đất, chớ Tây-Phương đâu mà về! Làm tin quá, làm nghe quá! Miệng nói mà lỗ tai đâu không nghe, con mắt đâu không nhìn, phải thiệt có như vậy thời chín-mươi-sáu ức chơn linh đâu còn lẫn lộn cõi diêm phù này! Thiệt là mê. Hãy nghe bài kệ đây:

**Học lần hai chữ Giác cùng Mê,
Tỉnh giác rồi mau đặng trở về;
Ngàn kiếp luân hồi vì cố chấp,
Muôn năm lặn hụp chốn biển mê.**

Tuyết-Giang lại bạch rằng: “Xin Sư-Phụ từ bi dạy đệ-tử một câu lục-tự Di-Đà; đệ-tử về trào dạy trong cung tu hành, nếu đặng giải thoát, thì ơn Tôn-Sư con không dám quên”.

Lục-Tổ nghe nói vậy cũng thương mà dạy: “Này Tuyết-Giang, đạo chẳng phải dễ, ta dạy cho người về lo tu hành. Vậy hãy ngồi lại gần đây, tu thì phải niệm như vậy ... như vậy ... đó biết chưa? Ngồi kiết-già tay phải bắt ấn tam muội rồi phải niệm Đức A-Di-Đà nhờ sáu chữ này mà thành Phật; phải nhớ cho kỹ đạ, ngồi một phút đến hai chục phút, khi muốn nghỉ phải làm ngoại đơn như vậy: hai tay ôm cái đầu, cắn răng nín hơi day qua day lại một hồi rồi nghỉ. Đó là thượng bộ. Đến trung bộ, hai tay ngay ra trước mặt quơ qua quơ lại rồi nghỉ. Đến hạ bộ, hai tay chống đầu gối quơ qua quơ lại như đồng lên, làm như vậy rồi nghỉ. Đứng dậy đi cho đặng một trăm bước trở lại nằm nghỉ. Đó tu như vậy, trong ngoài đều có tu, nó mới không đau già. Nếu ăn chay mà không biết hành đạo, thì nước da phải vàng như người chanh nước. Này Tuyết-Giang, trong Đạo-Đức-Kinh có nói: “Đạo tuy Tuy Hoằng, Phi Kỳ Thời Bất Giáo, Đạo Tuy Hoằng, Phi Kỳ Nhơn Bất Truyền”, nghĩa là: Đạo tuy hoằng khai rồi nhưng mà chưa đến thời kỳ chẳng dạy; đạo tuy hoằng khai rồi, chẳng phải người chẳng truyền. Nay ta truyền cho người, phải nhớ mà niệm y như vậy thì tâm đặng nó phát hiện; chớ niệm ngoài miệng, ngoài môi dầu có niệm muôn năm cũng không ích; hiểu rành chưa? Ví dụ: Bây giờ đây mình cầm cây sắt mà mài trên cục đá, trong tâm mình tưởng: “tôi mài cây sắt này cho thành một cây kim”, tưởng như vậy, chịu khó ngồi mài, không bao lâu sẽ thành một cây kim mà dùng. Bằng không tin lời ta nói, phải thử như vậy thời biết, mình cũng lấy một khúc sắt đem về để trên bàn đốt nhang mà lay, rồi quì xuống đó niệm Nam-Mô A-Di-Đà Phật, niệm thử một muôn năm coi khúc sắt đó thành cây kim hay không? Nên trong Kinh Thơ có câu: “Nặng Thuyết Bất Hành, Bất Như Bất Thuyết” nghĩa là: hay nó mà chẳng làm, chi bằng chẳng nói. Nói mà chẳng làm, dầu có nói muôn năm cũng không rồi việc. Thôi hãy nghe bài kệ đây:

**Tay cầm đuốc huệ dấm đầu phô,
Cuộc thế quen rồi chữ, Nam-Mô;
Nếu có lời vàng xin giải quyết,**

Ngặt mình lánh tục dấm nào phò.

Tuyết-Giăng quì lạy xin trở về trao phục chỉ.

Đây nói về Tuyết-Giăng trở lại trào ca vào ra mắt Võ-Tắc-Thiên.

Võ-Hậu nói: “Người đi rước Huệ-Năng sao lâu như vậy?”

Tuyết-Giăng quì lạy, tâu các việc cho Võ-Tắc-Thiên nghe, Võ-Tắc-Thiên cả mừng, mới truyền chỉ cho người đem dâng cho Lục-Tổ một cái áo cà-sa và một cái mâm bằng thủy-tinh, và sai quan Ngự-Sử đến sửa chùa Bửu-Lâm lại. Rồi sai người đến đất Tân-Châu lập một cảnh chùa đặt tên là Quốc-Ấn-Tự.

Lúc này Lục-Tổ kêu hết các đệ tử đến mà dặn rằng: “Này Pháp-Đạt, Pháp-Hải, Trí-Thường! Từ ta tịch diệt đến sau các người phải giữ phép tu hành, nếu có người nào đến hỏi và học đạo, các người có thuyết pháp chẳng nên lìa bỏ tánh: “Bất Ly Bản Tông”, chẳng nên chế tạo thêm bớt mà làm mất cái tôn-giáo nhà Phật đi. Hễ làm như vậy thì không có nên. Có câu: “Nhứt Thuyết Chư Pháp, Bất Ly Tự Tánh”, dầu có thuyết các pháp cũng không nên lìa bỏ tánh của mình”.

Lúc này Lục-Tổ tính trở về Tân-Châu, nhằm hiệu vua Viên-Hòa năm Nhâm-Tý tháng Bảy, ngài dạy các học trò xây tháp tại chùa Quốc-Ấn. Đến tháng bảy năm Quý-Sửu, hội tứ chúng đặng thương nghị. Lục-Tổ nói: “Từ đây đến tháng mười một ta sẽ lìa khỏi chốn thế gian, vậy hãy nghe bài kệ này:

Từ cách Thiên-Đường xuống cõi trần,

Mấy phen tai nạn chẳng nài thân;

Nay phải trở về nơi Cực-Lạc,

Một phút chia phui chẳng đặng gần.

Lục-Tổ kệ rồi lại nói: “Các người còn hồ nghi chỗ nào phải hỏi đặng ta chỉ lại cho, để khi ta tịch diệt rồi sau không người dạy dỗ”.

Pháp-Hải và các vị môn đồ nghe vậy đều khóc, duy có Thần-Hội cái thân tình không động nên không khóc.

Lục-Tổ nói: “Thần-Hội là người đủ lạnh, đặng như vậy mới gọi là tu; phàm người tu hành thấy chê khen đừng động, thương vui chẳng sanh, đặng như vậy mới phải. Vậy mấy người ở chùa đã mấy năm mà tu cái gì ở đâu? Tu mà còn khóc, còn bi-lụy, vậy chớ cái chữ cắt-ái là nghĩa gì? Người tu hành phải bỏ chữ hoạn, ưu khủng, mới gọi là người tu; tu làm sao mà nước mắt một bên khóc, vậy mà tu

cái gì? Các người không coi xưa nay có ông Phật nào biết khóc hay không; cái khóc đó là chúng-sanh. Phàm người tu trước hết phải học chữ cắt ái, là cắt bỏ cái thương; chữ ly gia là lìa nhà; hễ mình lìa nhà thành ra cái nhà không chủ, không ai sửa soạn, nó phải hư; nay mình lại trở về cái nhà nó đã hư rồi, về mà làm gì; về ngó thấy như vậy thì động lòng, hễ động lòng rồi tu sao đặng? Thiệt tu-hành không biết chữ ly gia cắt ái mà cũng đi tu, tu hồi cho mau chết chớ tu cái gì!

Lục-Tổ kêu tứ chúng các vị môn đồ mà nói: “Các người theo ta hơn bốn chục năm, kẻ qui-y người học đạo, các người trông nhờ ta dìu dắt thì ý của các người muốn cho ta thành chánh giác đặng độ các người khỏi biển trầm luân, nay các người có biết ta từ đây, rồi về đâu không? Nay là ngày mừng một, tháng bảy năm Quý-Sửu, ta biết ta đến tháng mười một sẽ tịch diệt. Khi ta tịch-diệt rồi tới sáu năm sau sẽ có người đến cắt đầu ta, ấy là ngày ta trở về quê xưa, mà các người không mừng sao lại khóc? Phải chi ta là thầy của các người, đến lúc thác mà không biết ngày vãng sanh, các người khóc cũng phải, hễ khóc rồi mau đi tìm đường khác mà đi cho đặng giải thoát mới là phải, có lẽ đâu chấp mê như vậy? Thầy mình đã không biết ngày vãng sanh mà mình bo bo nào khóc để tang. Bây giờ khóc để tang cho thầy mình không bao đây sẽ gặp qui vô-thường, chùng đó ai khóc cho mình và để tang cho mình? Thiệt có chấp quá. Còn ta đây biết ngày vãng sanh, ấy là ta liễu đạo. Vậy các người đáng vui đáng mừng chớ các người khóc làm chi!

Thôi hãy nghe bài kệ đây:

Phủ rồi cái khổ mấy chục năm,

Từ đây bay qua khỏi biển trầm⁽¹⁾:

Nửa khắc lên thuyền vào Bỉ-Nạ,

Muôn đời tự toại chốn Lôi-Âm.

⁽¹⁾ Biển trầm: biển trầm luân

Lục-Tổ nói: “Từ ta tịch-diệt rồi, các người không đặng cho nhiều người điều tang tế lễ và bi lụy: nếu có làm như vậy thì các người không phải đệ tử của ta. Phàm người tu hành: “Dĩ Kỳ Tâm Táng Chi Nhi Di”, hễ người tu muốn để tang và tế lễ thì lấy cái tâm mà để tang mới phải. Thôi từ ta tịch-diệt đến sau các người không đặng trái lời. Vậy hãy nghe bài kệ đây:

**Thôi rồi một phút cách từ đây,
Xa nghe tiếng hạc ó vang vầy;
Các người tua khá gìn đạo cả,
Bây giờ phải chịu cách nhau đây.**

Lục-Tổ kệ rồi ngài tọa-thiền, ngài đến canh ba ngài ngâm bài kệ mà về Tây-Phương.

KỆ RẰNG:

**Thỉnh thoảng mùi hương chất ngát nhà,
Im lìm hơi thở chẳng vào ra;
Móng trắng phủ che cây lá bạc.
Màu vàng lổ xổ rất huy-nga
Cầm thú bốn bề la inh ỏi.
Quan dân tám phía khóc chan hòa,
Sáu năm đầu phải về tay khách
Ba bữa hào quang chiếu sáng lò.**

Khi ngài kệ rồi thì cái sắc thân biến và trong tháp hào quang chiếu sáng khắp trời, tiếng hạc bay kêu dậy đất, hơi hơi thơm ngào ngạt, cầm thú kêu la, quan dân than thở, bốn phương tám hướng đều đến cúng dường, người người đồng kính phục. Ngài hưởng thọ được 75 tuổi.

---oOo---

Người viết sách có tặng cho Lục-Tổ bài kệ như vầy:

**Trời êm mây án tối vừng sao,
Cõi Phật mười phương dễ biết nào;
Ý muốn tiêu diêu cho tự tại.
Công phu luyện kỹ đặng ngài cao;
Hết sức rū tay dìu tứ chúng,
Khai bờ tháo nước thả cá ao;
Bốn chục năm dư quên khó nhọc,
Ngàn thu tự tại biết là bao!**

Tác-giả nói: “Đó, tu như Lục-Tổ đến ngày đắc đạo trở về dìu-dắt chúng sanh, tu như vậy mới là quý. Từ ngày Lục-Tổ ra dạy đạo thì những người đắc đạo siêu phàm bất kể kỳ số, người mà liễu đạo không biết bao nhiêu; vì vậy mới đặt tên là chùa Bửu-Lâm-Tự. Tu

mà siêu phàm thành Phật như vậy mới đáng tu, chớ tu bỏ thể-sự mà tu cho thành ông thầy thì cũng không nên tu làm gì. Đọc giả coi quyển sách này xin phải nhìn những lời nói, chỗ nào phải thì dùng nghe chớ còn không phải thì thôi, nếu có chỗ phải nghe cũng chẳng nên tin. Việc tu hành khó lắm, nếu muốn tin phải quan sát cho kỹ, cái tin đó có khi nó làm cho mình phải trễ nãi ngày giờ, thành ra đâu không tới đâu, như vậy vô ích lắm. Tôi đây là Cao-Minh Thiên-Su, người viết quyển sách này; đọc-giả phải biết chẳng phải tôi muốn cầu danh dục lợi chi chi, thật là không có, nhưng tôi có biết tu hành chút ít: vì thấy thời kỳ này người tu hành thì nhiều, như một nhà mà đi không biết mấy con đường rồi đi đường nào đâu cũng không tới đâu, vậy thì thấy uổng công quá.

Này đọc-giả, đời đa đoan lắm, trong cái tu đó cũng có cái không tu, trong cái đạo cũng có cái không đạo: bị như vậy kẻ phước đức thì ít, người giả dối thì nhiều, người sang giàu thì ít, kẻ nghèo khó lại nhiều, đọc giả biết không? Đó là tại cái tâm nó hay tin hay muốn, vì tại cái tin việc gì không nên việc gì, ít ngày rồi bỏ. Còn cái muốn thì muốn một hồi đâu không tới đâu rồi cũng bỏ, thành ra trễ nãi ngày giờ, Phật không thành mà Tiên cũng không thành, lại thành ra một người thất nghiệp, mang nghèo mang khó. Tu làm sao người ta tụng kinh không thành Phật còn mình tụng kinh mà tài gì thành Phật được? Bộ ông Phật ổng thương mình lắm hay sao? Đó, xin đọc giả phải xét và nghĩ cho kỹ.

Tôi đây là người xuất gia, lẽ phải tầm chỗ không người lo trau dồi bổn tánh, chớ lý nào dám “Ban Môn Lộng Phủ” như vậy; nhưng thời kỳ này tôi có dạy một vài người, buộc tôi phải viết quyển sách này để cho môn đồ tôi coi theo đây mà học.

Xin học giả có đọc sách này thì phải chậm rãi, chú ý mà đọc, đọc đôi ba lần cho kỹ rồi xét xem cái chơn giả thời nó mới hiện ra ngoài cho ngó thấy; chớ đọc mau quá nghe không kịp; thì sách nào cũng như sách này, không biết đâu là giả đâu là thật.

Xin hãy nghe bài kệ này:

**Kêu lớn tiếng vang khắp dậy trời,
Nói nhỏ hôm nay đạo ra đời;
Muốn biết giả chơn nghe cho kỹ,
Đọc mau sợ tính chẳng kịp lời.**

---oOo---

THÍCH GIA CHƠN GIẢI

CHUNG

---oOo---

*Chúng tôi nhận được bản soft copy “**Thích Gia Chơn Giải**” là nhờ Huynh Lê Bửu Trân, Sài Gòn quê Vĩnh Long (bào đệ của Sư Huynh Cao Hữu Đức (Lê Minh Triết), một môn đệ của Cao Minh Thiển Sư), đã bỏ công copy và gửi cho chúng tôi. Nhận thấy giá trị quý báu của quyển Kinh, chúng tôi phát nguyện đánh lại vào máy vi tính để có thể đưa lên mạng phân phát cho mọi người cùng đọc và tìm hiểu.*

Vì đánh máy lại nên e rằng không tránh khỏi được những lỗi lầm. Xin quý vị độc giả niệm tình tha thứ và đồng thời xin chỉ bảo những chỗ sai lầm để chúng tôi có thể sửa chữa và bổ túc.

Xin chân thành cảm tạ,

Viễn Lưu: May/12/2015.

Email: vienluutd@yahoo.com